

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	4
DANH MỤC CÁC BẢNG	5
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ	6
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	7
1.1. TÊN CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	7
1.2. TÊN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	7
1.3. QUY MÔ, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	9
1.3.1. Quy mô của dự án đầu tư	9
1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư	12
1.3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư	17
1.4. NGUYÊN NHIÊN VẬT LIỆU, HOÁ CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	18
1.4.1. Nhu cầu nguyên vật liệu, hoá chất	18
1.4.2. Nhu cầu điện, nước và nguồn cung cấp	19
1.5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	20
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	22
2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG	22
2.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	22
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	24
3.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	24
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa	24
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải	24
3.1.3. Xử lý nước thải	27
3.1.4. Các biện pháp giảm thiểu tác động của nước thải	33
3.2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI	34
3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG	35
3.4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI	37
3.5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG	38

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

*Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư*

3.6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG KHI DỰ ÁN ĐI VÀO VẬN HÀNH.....	39
3.7. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC.....	42
3.8. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	42
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	44
4.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI.....	44
4.2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI	44
4.3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG	44
4.3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung.....	44
4.3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung	44
4.3.3. Giá trị giới hạn tiếng ồn, độ rung.....	45
4.4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.....	45
4.4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với quản lý chất thải.....	45
4.4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường..	48
4.5. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.48	
4.5.1. Các nội dung về cải tạo, phục hồi môi trường	48
4.5.2. Các nội dung về bồi hoàn đa dạng sinh học.....	48
4.5.3. Các nội dung chủ dự án đầu tư tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	48
4.5.4. Các nội dung khác về bảo vệ môi trường	48
CHƯƠNG V. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN.....	49
5.1. KẾT QUẢ VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI ĐÃ THỰC HIỆN	49
5.1.1. Tổ chức thực hiện quan trắc, lấy mẫu và phân tích mẫu chất thải.....	49
5.1.2. Phương pháp, thiết bị lấy mẫu, bảo quản mẫu, đo đạc và phân tích mẫu.....	49
5.1.3 Thời gian tiến hành quan trắc, lấy mẫu chất thải và đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý chất thải	50
5.1.4. Kết quả đánh giá hiệu quả của công trình xử lý nước thải.....	52
5.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT	61
5.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	61
5.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	61
5.3. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM.....	61

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

*Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ dệt dấp Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư*

CHƯƠNG VI. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	62
PHỤ LỤC	63
PHỤ LỤC 1. CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ	64
PHỤ LỤC 2. CÁC KẾT QUẢ QUAN TRẮC	66
PHỤ LỤC 3. CÁC HỒ SƠ BẢN VẼ HOÀN CÔNG	67

DANH MỤC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

Các thông số môi trường

BOD ₅	Nhu cầu oxy sinh hoá (5 ngày)
DO	Hàm lượng oxy hòa tan
TSS	Tổng chất rắn lơ lửng
TDS	Tổng chất rắn hoà tan

Các tiêu chuẩn so sánh

QCCP	Quy chuẩn cho phép
GHCP	Giới hạn cho phép
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam

Các cơ quan, tổ chức

WHO	Tổ chức Y tế thế giới
UBND	Ủy ban nhân dân
BQL KKT	Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng
HACEM	Trung tâm Quan trắc môi trường

Các ký hiệu viết tắt khác

ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
KCN VSIP	Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
CTR	Chất thải rắn
CTNH	Chất thải nguy hại
PCCC	Phòng cháy và chữa cháy

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Hiện trạng sử dụng đất của Dự án	9
Bảng 1.2. Quy mô các hạng mục công trình của Dự án	9
Bảng 1.3. Danh mục máy móc, thiết bị sản xuất chính đã lắp đặt	15
Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu của Dự án	18
Bảng 1.5. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu của Dự án	19
Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng nước của Dự án	19
Bảng 3.1. Kích thước các bể của hệ thống xử lý nước thải tập trung	29
Bảng 3.2. Máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tập trung	32
Bảng 3.3. Danh mục hóa chất sử dụng trong xử lý nước thải	33
Bảng 3.4. Hệ thống gió, điều hoà, hút khói, hút ẩm của dự án	34
Bảng 3.5. Dự báo khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh tại Dự án	35
Bảng 3.6. Dự báo khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại Dự án	37
Bảng 3.7. Tổng hợp các nội dung thay đổi so với phương án trong Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt	43
Bảng 4.1. Toạ độ các vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung	45
Bảng 5.1. Phương pháp, thiết bị lấy mẫu, bảo quản mẫu	49
Bảng 5.2. Phương pháp, thiết bị đo đạc, phân tích mẫu	49
Bảng 5.3. Thời gian tiến hành quan trắc, lấy mẫu nước thải	50
Bảng 5.4. Kết quả đánh giá hiệu suất xử lý tại công đoạn xử lý thiếu khí	52

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1.1. Sơ đồ vị trí của KCN VSIP và Dự án	8
Hình 1.2. Sơ đồ tổng mặt bằng các hạng mục công trình của Dự án.....	11
Hình 1.3. Quy trình sản xuất phụ kiện ô tô, phụ kiện điện	12
Hình 1.4. Quy trình sản xuất khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm.....	13
Hình 1.5. Hình ảnh sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện	17
Hình 3.1. Sơ đồ khối hệ thống thu gom và thoát nước mưa	24
Hình 3.2. Sơ đồ khối hệ thống thu gom và thoát nước thải	25
Hình 3.3. Bản vẽ tổng thể hệ thống thu gom và thoát nước mưa, nước thải của Dự án	26
Hình 3.4. Sơ đồ cấu tạo bể tách mỡ	27
Hình 3.5. Sơ đồ cấu tạo của bể tự hoại	28
Hình 3.6. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải của Dự án	30

CHƯƠNG I.
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.1. TÊN CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

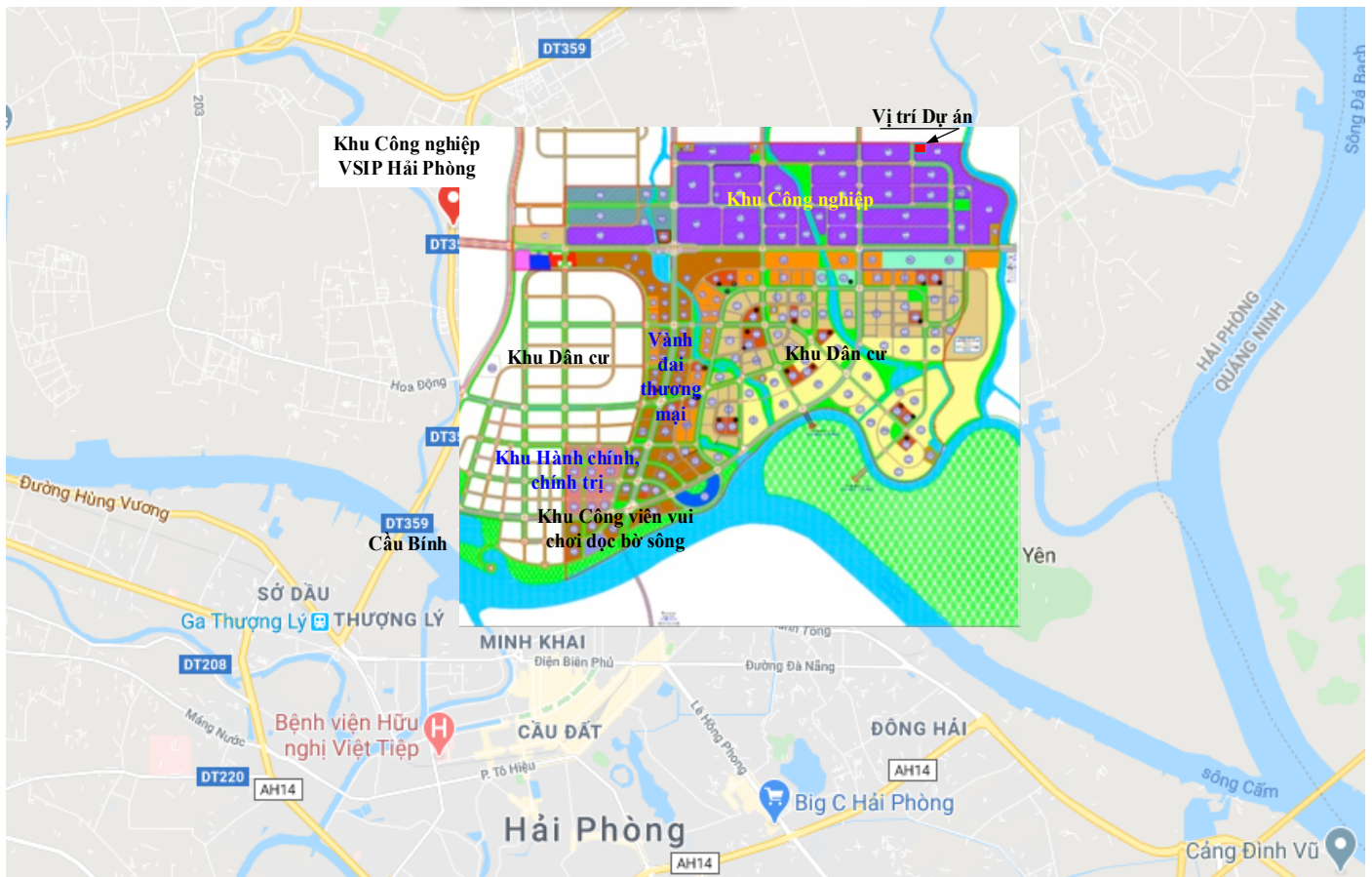
- Tên chủ dự án đầu tư: **Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam.**
- Địa chỉ văn phòng của chủ dự án đầu tư: Lô IN3-10*C, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: Ông Choki Masaharu;
Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Điện thoại: 0225.3869918; Fax: 0225.3869919
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 0201288701 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 09/01/2013, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27/09/2022.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 4330084821 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng chứng nhận lần đầu ngày 09/01/2013, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 30/01/2020, **chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 06/01/2023.**

1.2. TÊN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

- Tên dự án đầu tư: **Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam.**
- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Lô IN3-10*C, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.
- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng của dự án đầu tư: Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng. Giấy phép xây dựng số 536/GPXD-BQL ngày 05/02/2021 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp.
- Các văn bản pháp lý liên quan đến môi trường của dự án đầu tư:
 - + Quyết định số 2640/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Lô IN3-10*C, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên.
 - + Công văn số 3076/STNMT-CCBVMT ngày 27/7/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để vận hành thử nghiệm.
 - + Công văn số 10/STNMT-CCBVMT ngày 04/01/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Dự án.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ dệt dáp Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư



Hình 1.1. Sơ đồ vị trí của KCN VSIP và Dự án

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án sản xuất sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện (công suất 1.200 tấn/năm); khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm (công suất 4 tấn/năm). Dự án có tổng vốn đầu tư là 153.715.000.000 VNĐ (*Một trăm năm mươi ba tỷ, bảy trăm mười lăm triệu đồng*) thuộc lĩnh vực sản xuất thiết bị thông tin, điện tử và lĩnh vực công trình cơ khí. Theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, Dự án được phân loại là **dự án nhóm B** (khoản 2 Điều 9 Luật Đầu tư công năm 2019).

1.3. QUY MÔ, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.3.1. Quy mô của dự án đầu tư

“Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam” có diện tích đất là 11.250,0 m² tại Lô IN3-10*C, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng (gọi tắt là KCN VSIP). Dự án được triển khai thi công xây dựng từ tháng 02/2021 và đến tháng 11/2021 đã cơ bản hoàn thành các hạng mục công trình phục vụ giai đoạn vận hành. Cụ thể như sau:

Bảng 1.1. Hiện trạng sử dụng đất của Dự án

STT	Sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Quy định KCN
1	Đất xây dựng công trình	4.727,75	42,02	≤ 60
2	Đất giao thông, sân bãi	1.937,95	17,23	
3	Đất trồng cây xanh	3.078,80	27,37	≥ 20
4	Đất dự phòng phát triển	1.505,50	13,38	
Tổng		11.250,0	100	

Bảng 1.2. Quy mô các hạng mục công trình của Dự án

STT	Hạng mục công trình	Theo Báo cáo ĐTM			Theo thực tế		
		Diện tích xây dựng (m ²)	Số tầng	Chiều cao (m)	Diện tích xây dựng (m ²)	Số tầng	Chiều cao (m)
I	Công trình chính						
1	Nhà xưởng chính	3.967,10	02	10,80	3.967,10	02	10,80
II	Công trình phụ trợ						
1	Nhà bảo vệ	51,60	01	3,40	55,44	01	3,36
2	Nhà để xe máy	215,10	01	2,70	229,40	01	3,04
3	Nhà để xe ô tô	61,70	01	3,20	63,43	01	3,86
4	Nhà phụ trợ, bể nước ngầm (thể tích 450 m ³)	198,90	01	3,40	198,90	01	3,66
5	Biển tên	-	-	-	2,64	-	2,00
6	Cột cờ	-	-	-	4,81	-	10,00

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

*Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ dệt dấp Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư*

STT	Hạng mục công trình	Theo Báo cáo ĐTM			Theo thực tế		
		Diện tích xây dựng (m ²)	Số tầng	Chiều cao (m)	Diện tích xây dựng (m ²)	Số tầng	Chiều cao (m)
7	Tường rào	-	-	-	93,43	-	2,00
III	Công trình bảo vệ môi trường						
1	Hệ thống thu gom và thoát nước mưa	-	-	-	-	-	-
2	Hệ thống thu gom và thoát nước thải	-	-	-	-	-	-
3	Bể tự hoại (thể tích 8,5 m ³)	-	-	-	-	-	-
4	Bể tách mỡ nhà ăn (thể tích 2,4 m ³)	-	-	-	-	-	-
5	Hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 5,0 m ³ /ngày đêm)	25,0	-	-	25,0	-	-
6	Khu tập kết rác thải sinh hoạt	8,4	-	-	8,4	-	-
7	Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường có khả năng tái chế	8,4	01	3,0	13,4	01	3,65
8	Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường không có khả năng tái chế	28,0	01	3,0	20,2	01	3,65
9	Khu lưu giữ thép phế liệu (nguyên liệu thừa và sản phẩm lỗi)	4,2	01	3,0	4,0	01	3,65
10	Khu lưu giữ đồng phế liệu (nguyên liệu thừa và sản phẩm lỗi)	55,3	01	3,0	27,6	01	3,65
11	Kho lưu giữ chất thải nguy hại	4,2	01	3,0	13,5	01	3,65

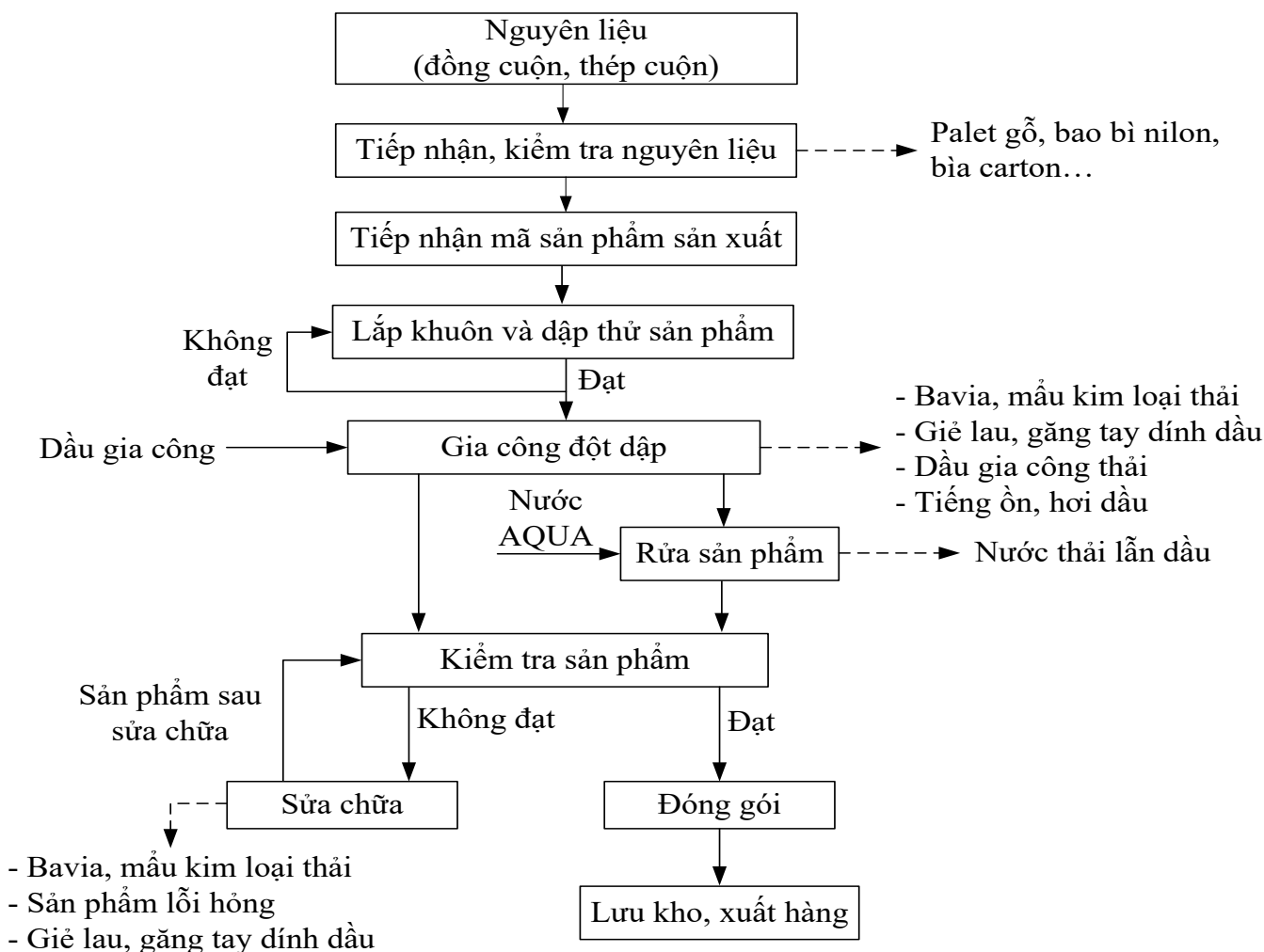
Dự án chỉ có một hạng mục công trình chính (là nhà xưởng chính) và không thay đổi quy mô tổng thể so với phương án trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM). Tuy nhiên, Dự án có thay đổi quy mô của một số hạng mục công trình phụ trợ (gồm nhà bảo vệ, nhà để xe máy, nhà để xe ô tô) và các kho lưu giữ chất thải, phế liệu là để phù hợp hơn với hoạt động sản xuất, kinh doanh thực tế. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án đã được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, chấp thuận đủ điều kiện đi vào vận hành thử nghiệm.

Tổng mặt bằng các hạng mục công trình của Dự án như sau:

1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

Dự án sản xuất sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện với công suất là 1.200 tấn/năm; sản xuất khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm với công suất là 4 tấn/năm. Quy trình công nghệ sản xuất, vận hành thực tế của Dự án là không thay đổi so với phương án trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM). Cụ thể như sau:

a. Quy trình sản xuất sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện



Hình 1.3. Quy trình sản xuất phụ kiện ô tô, phụ kiện điện

* *Nguyên liệu:* Nguyên liệu sản xuất là đồng cuộn, thép cuộn có kích thước, độ dày khác nhau tùy theo các mã nguyên liệu và yêu cầu của sản phẩm sản xuất.

* *Tiếp nhận, kiểm tra nguyên liệu:* Nguyên liệu nhập về được cán bộ vật tư kiểm tra số lượng, chủng loại, bao bì trước khi lưu vào trong kho.

* *Tiếp nhận mã sản phẩm sản xuất:* Bộ phận sản xuất sẽ tiếp nhận mã sản phẩm, sau đó lựa chọn khuôn tương ứng với sản phẩm để lắp vào máy đột dập.

* *Lắp khuôn và dập thử sản phẩm:* Tiến hành lắp thử công khuôn vào máy đột dập, điều chỉnh và kiểm tra hành trình đột dập cho phù hợp. Cho nguyên liệu vào và tiến hành đột dập thử sản phẩm. Kiểm tra các thông số kỹ thuật của sản phẩm, nếu đạt yêu cầu cho phép đột dập hàng loạt, nếu không đạt yêu cầu tiến hành điều chỉnh lại.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

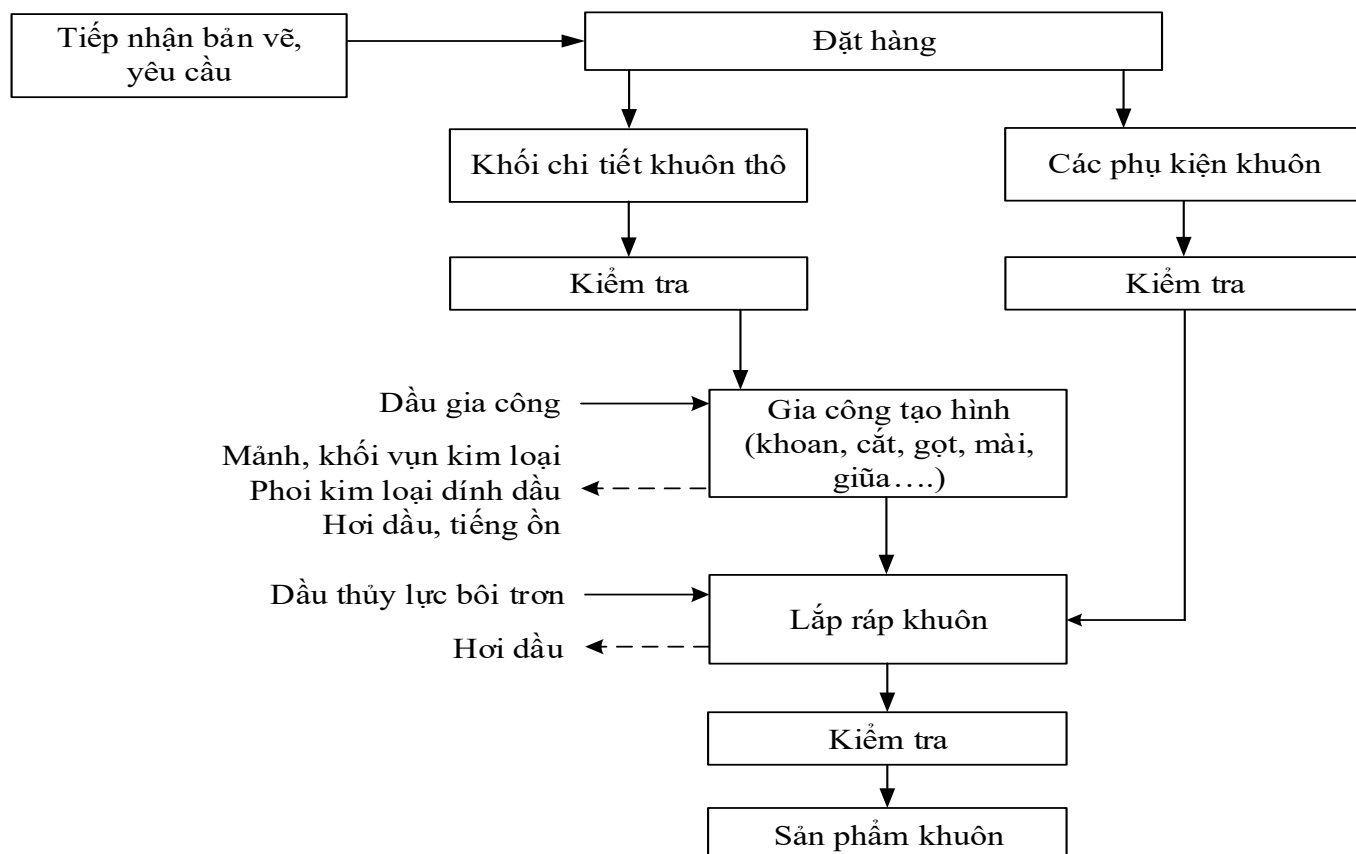
* *Gia công đột dập*: Nguyên liệu được chuyển từ kho về khu vực sản xuất bằng xe nâng và đưa vào máy đột dập. Tại đây, nguyên liệu được đột dập liên hoàn theo hành trình đã được cài đặt trên các khuôn mẫu để tạo thành sản phẩm. Trong quá trình đột dập có phun một lớp dầu mỏng lên trên bề mặt nguyên liệu tại các vị trí dập để giảm nhiệt độ do ma sát trong quá trình đột dập. Một số sản phẩm được yêu cầu làm sạch, sẽ được đưa vào máy rửa. Tại đây, sản phẩm được đựng trong các rọ chứa bằng thép và được ngâm nhúng vào thùng chứa chất lỏng của máy rửa AQUA để làm sạch các chất bẩn, dầu mỡ bám trên bề mặt. Tần suất rửa sản phẩm là khoảng 2 tháng/lần, lượng nước rửa sản phẩm phát sinh là khoảng 2 lít/lần (4 lít/tháng) có chứa dầu mỡ, được thu gom vào thùng phuy và quản lý như chất thải nguy hại.

* *Kiểm tra sản phẩm*: Tiến hành kiểm tra xác suất các thông số kỹ thuật của mẫu sản phẩm. Sản phẩm đạt yêu cầu được đưa qua bộ phận đóng gói. Sản phẩm chưa đạt yêu cầu được đưa qua bộ phận sửa chữa. Sản phẩm mắc các lỗi về kích thước, bề mặt, hình dạng.... không thể sửa chữa được xếp vào phân phế liệu.

* *Sửa chữa*: Các sản phẩm chưa đạt yêu cầu về các lỗi như bavia, cong vênh.... sẽ được chỉnh sửa bằng việc cắt gọt, mài giữa hay nắn thẳng.

* *Đóng gói và lưu kho*: Các sản phẩm được đóng gói theo quy cách và yêu cầu của khách hàng, đánh mã số lô hàng, chuyển về kho thành phẩm chờ xuất hàng.

b. Quy trình sản xuất khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm



Hình 1.4. Quy trình sản xuất khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Dự án chỉ tiến hành gia công lắp ráp, không tiến hành đúc khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm.

* *Tiếp nhận yêu cầu và đặt hàng nguyên liệu:* Bộ phận kỹ thuật tiếp nhận các bản vẽ và yêu cầu từ khách hàng. Sau đó, tổng hợp thông tin để đặt hàng nguyên liệu được sản xuất từ các đối tác bên ngoài.

* *Nguyên liệu:* Nguyên liệu sản xuất bao gồm khối chi tiết khuôn thô và các phụ kiện khuôn. Khối chi tiết khuôn thô gồm tấm đế khuôn (đế trên, đế dưới), các khối chi tiết trong khuôn như dao, chày, cối... bằng thép. Các phụ kiện khuôn gồm máng dẫn liệu, chốt định vị, dẫn hướng, lò xo, đệm cao su, vít định vị, chốt đẩy,... Khối chi tiết khuôn thô và các phụ kiện khuôn được các đối tác bên ngoài sản xuất, chế tạo theo bản vẽ thiết kế và các yêu cầu kỹ thuật.

* *Kiểm tra nguyên liệu:* Cán bộ kỹ thuật sẽ kiểm tra các thông số kỹ thuật của khối chi tiết khuôn thô và các phụ kiện khuôn như kích thước, khối lượng, bề mặt, vật liệu.... Nếu đạt yêu cầu kỹ thuật, các khối chi tiết khuôn thô được đưa vào gia công tạo hình, các phụ kiện khuôn được đưa vào lắp khuôn. Nếu không đạt yêu cầu kỹ thuật sẽ được chuyển trả lại cho đơn vị cung cấp.

* *Gia công tạo hình:* Các khối chi tiết trong khuôn sẽ được gia công (khoan, cắt, mài...) để tạo hình dao, chày, cối... Tấm đế khuôn được khoan lỗ định vị với các chi tiết trong khuôn. Dự án có 03 máy mài để tham gia hoạt động gia công tạo hình khuôn. Trong quá trình mài, sử dụng dầu gia công phun lên vị trí mài để làm mát kim loại, làm sạch những mảnh vụn kim loại khỏi bề mặt chi tiết và đồng thời làm hạn chế bụi phát sinh trong quá trình mài. Dầu gia công từ máy mài sẽ theo đường ống được thu hồi vào thùng phuy với lượng phát sinh là khoảng 120 lít/năm (10 lít/tháng) và được quản lý như chất thải nguy hại.

* *Lắp ráp khuôn:* Tiến hành lắp ráp các chi tiết khuôn để tạo thành khuôn hoàn chỉnh. Trong đó, dao, chày được lắp với chuỗi khuôn và đế trên nhờ các bộ phận áo chày, vít. Cối lắp với đế dưới qua bộ phận áo cối, vít định vị. Các chi tiết khuôn khác như bộ phận dẫn hướng, tấm dẫn, tấm đẩy phôi... được kết nối với các vị trí đã định vị trên khuôn. Quá trình lắp ráp khuôn sử dụng dầu thủy lực để bôi trơn, giảm ma sát giữa các chi tiết khuôn.

* *Kiểm tra, thử khuôn:* Toàn bộ khuôn sau khi lắp ráp xong sẽ được kiểm tra các thông số kỹ thuật như kích thước, bề mặt..... Tiến hành thử khuôn bằng cách lắp khuôn vào máy đột dập để đột dập thử, kết quả sản phẩm phản ánh tới khuôn.

Ngoài ra, Dự án định kỳ sẽ tiến hành sửa chữa, bảo dưỡng các khuôn mẫu và những chi tiết khuôn đến hạn thay thế sẽ được thay mới (khoảng 1 tháng/lần).

c. Các máy móc, thiết bị sản xuất chính đã lắp đặt

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Năm 2018, Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam đã thực hiện việc đầu tư tại Nhà xưởng D4, Lô IL8-IL10 và IL18-IL20, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng với công suất sản xuất sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện là 745 tấn/năm; khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm là 4 tấn/năm. Năm 2020, Công ty quyết định triển khai thực hiện Dự án và đến tháng 12/2021, Công ty đã chuyển toàn bộ các máy móc, thiết bị hiện có tại nhà xưởng D4 sang lắp đặt tại nhà xưởng xây mới của Dự án, đồng thời lắp đặt thêm 04 máy đột dập mới (để đảm bảo công suất sản xuất sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện là 1.200 tấn/năm; khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm là 4 tấn/năm). Cụ thể như sau:

Bảng 1.3. Danh mục máy móc, thiết bị sản xuất chính đã lắp đặt

STT	Các máy móc, thiết bị	Số lượng (bộ/cái)		Thời điểm lắp đặt	Thời điểm hoàn thành	Tình trạng mới cũ
		ĐTM	Thực tế			
I	Máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện					
1	Máy đột dập 80 tấn - YAMADA DOBBY, Nhật Bản	01	01	11/2021	12/2021	80%
2	Máy đột dập 60 tấn - YAMADA DOBBY, Nhật Bản	01	01	11/2021	12/2021	75%
3	Máy đột dập 40 tấn - YAMADA DOBBY, Nhật Bản	01	01	11/2021	12/2021	80%
4	Máy đột dập 30 tấn - YAMADA DOBBY, Nhật Bản	01	01	11/2021	12/2021	80%
5	Máy đột dập 45 tấn – KOMATSU, Nhật Bản	01	01	11/2021	12/2021	80%
6	Máy đột dập 45 tấn – KOMATSU, Nhật Bản	01	01	11/2021	12/2021	80%
7	Máy đột dập 200 tấn – AIDA, Nhật Bản	01	01	11/2021	12/2021	80%
8	Máy đột dập 30 tấn - YAMADA DOBBY, Nhật Bản	01	Máy đột dập này do hoạt động kém nên đang chờ được thanh lý			
9	Máy đột dập 80 tấn - YAMADA DOBBY, Nhật Bản	01	01	11/2021	12/2021	75%
10	Máy đột dập 30 tấn - YAMADA DOBBY, Nhật Bản	01	Máy đột dập này do hoạt động kém nên đang chờ được thanh lý			
11	Máy đột dập 40 tấn - NIDEC SHIMPO, Trung Quốc	01	01	11/2021	12/2021	90%
12	Máy đột dập 60 tấn - NIDEC SHIMPO, Trung Quốc	01	01	11/2021	12/2021	100% (mới)
13	Máy đột dập 45 tấn - NIDEC SHIMPO, Trung Quốc	01	01	11/2021	12/2021	100% (mới)

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

*Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư*

STT	Các máy móc, thiết bị	Số lượng (bộ/cái)		Thời điểm lắp đặt	Thời điểm hoàn thành	Tình trạng mới cũ
		ĐTM	Thực tế			
14	Máy đột dập 40 tấn - NIDEC SHIMPO, Trung Quốc	00	01	11/2021	12/2021	100% (bổ sung)
15	Máy đột dập 160 tấn – AIDA, Nhật Bản	00	01	11/2021	12/2021	100% (bổ sung)
II	Máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm					
1	Máy mài 3,5 kW – MITSUI, Nhật Bản	01	01	11/2021	12/2021	75%
2	Máy mài 3,0 kW – NICCO, Nhật Bản	01	01	11/2021	12/2021	80%
3	Máy mài 138 W – MAKITA, Nhật Bản	01	01	11/2021	12/2021	80%
4	Máy khoan bàn 0,4 kW – Nhật Bản	01	01	11/2021	12/2021	80%
5	Máy khoan phóng điện 0,75 kW – Nhật Bản	01	01	11/2021	12/2021	80%
6	Máy cắt dây phóng điện 2,8 kW – Nhật Bản	01	01	11/2021	12/2021	70%
7	Máy phay 2,2 kW – Nhật Bản	01	01	11/2021	12/2021	80%
8	Máy cưa 1,5 kW – Nhật Bản	01	01	11/2021	12/2021	80%
9	Máy tiện 2,5 kW – Nhật Bản	01	Máy tiện này do hoạt động kém và thực tế là không sử dụng đến nên đã được thanh lý			
III	Máy móc, thiết bị phụ trợ sản xuất					
1	Máy nén khí nhỏ 22 kW - KOBELCO, Nhật Bản	01	01	11/2021	12/2021	90%
2	Máy nén khí to 55 kW KOBELCO, Nhật Bản	01	01	11/2021	12/2021	80%
3	Máy sấy khí 8,5 kW – ORION, Thái Lan	01	01	11/2021	12/2021	80%
4	Máy rửa sản phẩm 55 kW – AQUA, Nhật Bản	01	01	11/2021	12/2021	80%
5	Xe nâng 2,0 tấn – Nhật Bản	01	01	11/2021	12/2021	75%
6	Xe nâng 2,5 tấn – Nhật Bản	01	01	11/2021	12/2021	100% (mới)
7	Palăng điện 2,0 tấn – Đài Loan	01	01	11/2021	12/2021	80%
8	Cầu trục 2,0 tấn – Đài Loan	01	01	11/2021	12/2021	80%
9	Máy phát điện dự phòng 125 kVA – Nhật Bản	01	01	11/2021	12/2021	100% (mới)

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

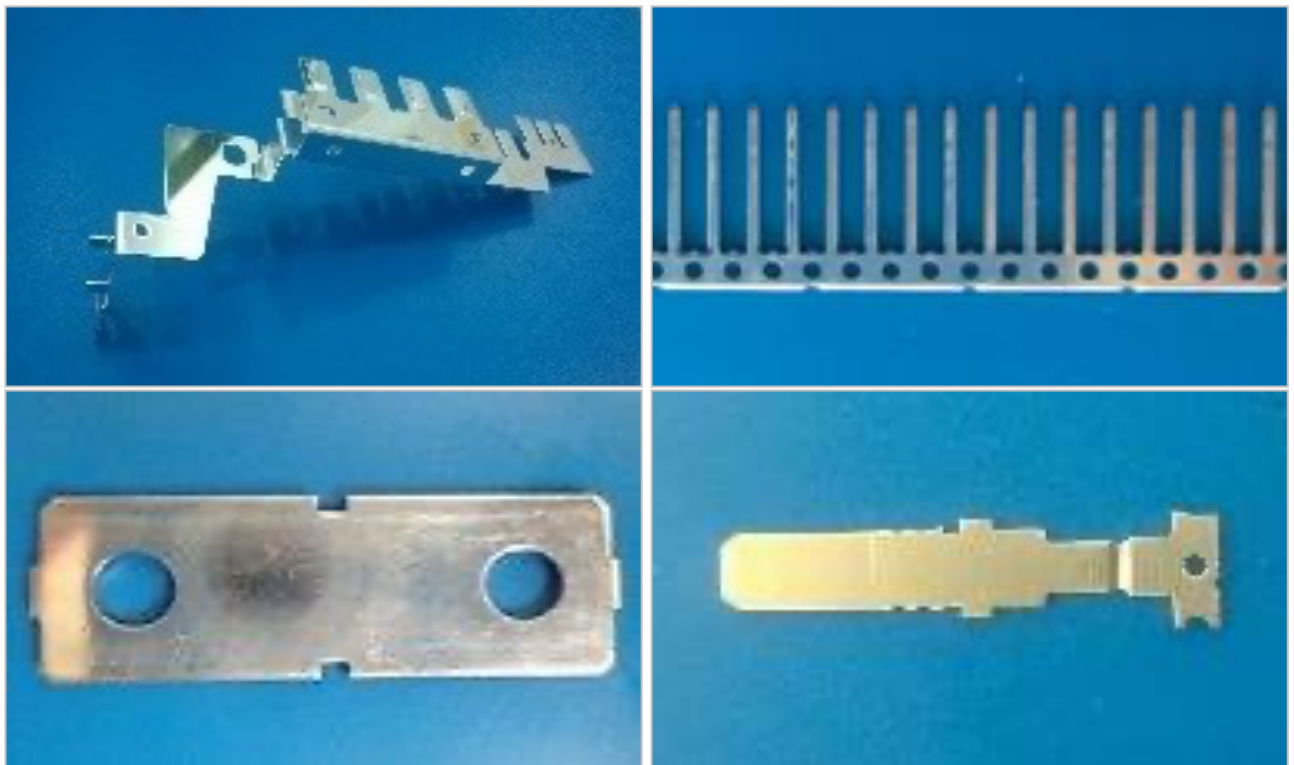
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Nhà xưởng D4 có 11 máy đột dập nhưng có 02 máy đã hoạt động kém (đang chờ được thanh lý). Do vậy, Dự án phải đầu tư thêm 04 máy mới thay vì chỉ đầu tư thêm 02 máy mới như phương án trong Báo cáo ĐTM. Ngoài ra, máy tiện của nhà xưởng D4 do hoạt động kém và thực tế là không sử dụng đến nên đã được thanh lý. Như vậy, Dự án cơ bản là không tăng thêm các máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất so với phương án trong Báo cáo ĐTM đã phê duyệt.

1.3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

Dự án sản xuất sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện với công suất là 1.200 tấn/năm; sản xuất khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm với công suất là 4 tấn/năm. Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Dự án là xuất khẩu 100%, khách hàng chủ yếu là Trung Quốc và khu vực Đông Nam Á như Thái Lan, Philipin, Indonesia, Singapore... Cụ thể các sản phẩm như sau:

* Sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện như giá lắp cầu chì của hệ thống đèn, đầu nối dây điện, đầu nối dây tiếp đất, các khớp nối của hệ thống điện trong ô tô; các phụ kiện điện trong ổ đĩa của máy tính; các phụ kiện ô tô, phụ kiện điện có kích thước nhỏ khác (0,5 - 50 g/sản phẩm).



Hình 1.5. Hình ảnh sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện

* Khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm là khuôn đột dập để phục vụ cho sản xuất của Dự án hoặc theo đơn đặt hàng của khách hàng. Khuôn dập gồm các phụ tùng kim loại như đế khuôn, các chi tiết dao, chày, cối, dẫn hướng.... Khối lượng khuôn dập từ 0,7-1 tấn/sản phẩm.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

1.4. NGUYÊN NHIÊN VẬT LIỆU, HOÁ CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.4.1. Nhu cầu nguyên vật liệu, hoá chất

Dự án sử dụng nguyên liệu là đồng cuộn, thép cuộn để sản xuất sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện và nhập các khối chi tiết khuôn thô bằng thép, phụ kiện khuôn để sản xuất khuôn dập kim loại, các phụ tùng kim loại đi kèm. Dự án sử dụng hoá chất là các loại dầu gia công, dầu thuỷ lực cho các máy đột dập, máy mài, ráp khuôn.... và sử dụng nước rửa AQUA để làm sạch dầu mỡ bám trên bề mặt sản phẩm.

Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu của Dự án

STT	Nguyên vật liệu, hoá chất	Nhu cầu sử dụng (kg/tháng)	Nhu cầu sử dụng (tấn/năm)
I	Nguyên vật liệu chính	161.950	1.943,4
1	Nguyên liệu sản xuất sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện	161.550	1.938,6
1.1	Đồng cuộn	160.000	1.920
1.2	Thép cuộn	1.550	18,6
2	Nguyên liệu khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm	400	4,8
2.1	Khối chi tiết khuôn thô bằng thép	352	4,2
2.2	Phụ kiện khuôn	48	0,6
II	Nguyên vật liệu phụ	75.508	906,1
1	Bao bì carton	11.018	132,2
2	Khay xếp sản phẩm	20.843	250,1
3	Túi, màng bọc nilon	8.052	96,6
4	Pallet gỗ	35.595	427,2
III	Hóa chất	419	5,1
1	Dầu gia công	346	4,2
1.1	Dầu gia công MB10	126	1,6
1.2	Dầu gia công FIX30	110	1,3
1.3	Dầu gia công PA5	50	0,6
1.4	Dầu gia công RA15	60	0,7

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ dệt dấp Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

STT	Nguyên vật liệu, hoá chất	Nhu cầu sử dụng (kg/tháng)	Nhu cầu sử dụng (tấn/năm)
2	Dầu thủy lực	23	0,3
2.1	Dầu thủy lực 32	8	0,1
2.2	Dầu thủy lực 68	15	0,2
3	Nước rửa AQUA	50	0,6
Tổng		237.877	2.854,6

Dự án sử dụng nhiên liệu dầu Diesel (DO) để vận hành máy phát điện dự phòng (khi mất điện lưới) và sử dụng gas (LPG) để phục vụ nấu ăn. Cụ thể như sau:

Bảng 1.5. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu của Dự án

STT	Nhiên liệu	Mục đích sử dụng	Nhu cầu sử dụng
1	Dầu Diesel (DO)	Vận hành máy phát điện dự phòng (khi mất điện lưới).	100 lít (dự trữ)
2	Gas (LPG)	Phục vụ hoạt động đun nấu tại khu bếp nấu nhà ăn	50 kg/tháng

1.4.2. Nhu cầu điện, nước và nguồn cung cấp

a. Nhu cầu sử dụng điện và nguồn cung cấp

Dự án sử dụng điện cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt. Nhu cầu sử dụng điện trong giai đoạn vận hành của Dự án là khoảng 54.500 kWh/tháng. Nguồn cung cấp là từ trạm biến áp 320 kVA của Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng. Ngoài ra, Dự án còn có 01 máy phát điện dự phòng công suất 125 kVA chạy bằng nhiên liệu dầu Diesel (DO).

b. Nhu cầu sử dụng nước và nguồn cung cấp

Dự án sử dụng nước cho các hoạt động sinh hoạt, tưới cây và vệ sinh sân đường. Số lượng cán bộ, công nhân viên trong giai đoạn hoạt động của Dự án là khoảng 63 người. Nhu cầu sử dụng nước trong giai đoạn vận hành của Dự án như sau:

Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng nước của Dự án

TT	Thành phần sử dụng nước	Quy mô sử dụng nước	Định mức sử dụng nước	Nhu cầu sử dụng nước (m ³ /ngày)
I	Hoạt động sinh hoạt			4,6
1	Vệ sinh	63 người	45 lít/người/ngày ⁽¹⁾	2,8
2	Tắm rửa	02 phòng tắm	300 lít/phòng tắm/ngày ⁽²⁾	0,6
3	Nấu ăn	63 suất ăn	20 lít/suất ăn/ngày ⁽²⁾	1,2

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

TT	Thành phần sử dụng nước	Quy mô sử dụng nước	Định mức sử dụng nước	Nhu cầu sử dụng nước (m ³ /ngày)
II	Hoạt động khác			16,4
1	Tưới cây	3.078,80	5 lít/m ² /ngày ⁽¹⁾	15,4
2	Vệ sinh sân đường	1.937,95	0,5 lít/m ² /ngày ⁽¹⁾	1,0
Tổng nhu cầu sử dụng nước				21,0

Ghi chú: ⁽¹⁾ Tiêu chuẩn TCXDVN 33:2006 - Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế; ⁽²⁾ Tiêu chuẩn TCVN 4513:1988 – Cấp nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế.

1.5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Từ năm 2013, Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam đã thực hiện việc đầu tư tại Nhà xưởng D4, Lô IL8-IL10 và IL18-IL20, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng với công suất sản xuất sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện là 250 tấn/năm (UBND huyện Thuỷ Nguyên đã chấp thuận Bản cam kết bảo vệ môi trường tại Thông báo số 169/TB-UBND ngày 21/6/2013). Năm 2018, Công ty nâng công suất sản xuất sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện đến 745 tấn/năm và bổ sung sản xuất khuôn dập kim loại, các phụ tùng kim loại đi kèm là 4 tấn/năm (UBND thành phố Hải Phòng đã phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 08/5/2018).

Năm 2020, Công ty quyết định triển khai thực hiện “Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam” tại Lô IN3-10*C, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng với công suất sản xuất sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện là 1.200 tấn/năm; khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm là 4 tấn/năm (UBND thành phố Hải Phòng đã phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 2640/QĐ-UBND ngày 04/9/2020).

Tháng 02/2021, Dự án được triển khai thi công xây dựng và đến tháng 11/2021 đã cơ bản hoàn thành các hạng mục công trình phục vụ giai đoạn vận hành. Tháng 12/2021, Công ty đã chuyển toàn bộ các máy móc, thiết bị hiện có tại Nhà xưởng D4 sang lắp đặt tại nhà xưởng xây mới của Dự án, đồng thời lắp đặt thêm 04 máy đột dập mới để đảm bảo công suất sản xuất của Dự án. Sau đó, Công ty hoàn thiện các thủ tục để hoàn trả lại Nhà xưởng D4 cho Công ty TNHH VISIP Hải Phòng là Chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng.

Dự án đã hoàn thành việc xây lắp các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành và được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, chấp thuận việc đưa Dự án đi vào vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải tại Công văn số 3076/STNMT-CCBVMT ngày 27/7/2022.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Công ty đã đưa các công trình xử lý chất thải của Dự án đi vào vận hành thử nghiệm, đồng thời đã ký hợp đồng với đơn vị có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường để tiến hành quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý chất thải. Sau khi có đầy đủ số liệu quan trắc chất thải, Công ty lập Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Dự án và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường chấp thuận tại Công văn số 10/STNMT-CCBVMT ngày 04/01/2023.

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của “Dự án Sản xuất Mochizuki Việt Nam” tại Lô IN3-10*C, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng trình Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng thẩm định, cấp phép.

CHƯƠNG II.

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG

Nội dung này đã được đánh giá trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường và hiện tại không có thay đổi. Do đó, Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này không phải thực hiện đánh giá lại.

2.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

Trong giai đoạn vận hành, Dự án có phát sinh nước thải và bụi, khí thải xả ra ngoài môi trường. Cụ thể như sau:

*** Đối với nước thải**

Dự án có phát sinh nước thải từ hoạt động sinh hoạt; nước thải từ hoạt động rửa sản phẩm và nước thải từ hoạt động của máy máy nén khí. Tuy nhiên, nước thải từ hoạt động rửa sản phẩm và nước thải từ hoạt động của máy máy nén khí được thu gom, quản lý như chất thải nguy hại.

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu bếp nấu nhà ăn qua bể tách mỡ (thể tích: 2,4 m³) cùng với nước thải sinh hoạt phát sinh từ các bồn cầu, chậu rửa mặt, sàn nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại (thể tích: 8,5 m³) trước khi tiếp tục được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất: 5 m³/ngày đêm) của Dự án. Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án đảm bảo đạt Tiêu chuẩn yêu cầu đối với nước thải trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải chung để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN VSIP.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN VSIP có công suất 5.000 m³/ngày đêm đủ khả năng tiếp nhận và xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của Dự án. Đồng thời, Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng (giai đoạn 2) do Công ty TNHH VSIP Hải Phòng làm Chủ đầu tư đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 72/GXN-BTNMT ngày 16/8/2022.

*** Đối với khí thải**

Dự án có phát sinh bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm; bụi, hơi dầu từ quá trình gia công đột dập, gia công tạo hình; bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng sử dụng nhiên liệu dầu Diesel (DO). Trong đó:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ dệt dấp Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

- Đối với bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển: Dự án áp dụng các biện pháp giảm thiểu như đảm bảo diện tích trồng cây xanh tối thiểu theo quy định; thường xuyên vệ sinh, phun ẩm sân đường nội bộ; chỉ sử dụng các phương tiện vận chuyển được kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

- Đối với bụi, hơi dầu từ quá trình gia công dệt dấp, gia công tạo hình: Thường xuyên vệ sinh, định kỳ bảo dưỡng các máy móc, thiết bị sản xuất và trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân vận hành. Ưu tiên sử dụng các loại dầu bôi trơn, dầu gia công, dầu nhiên liệu thân thiện hơn với môi trường và sức khỏe người lao động.

- Đối với bụi, khí thải từ máy phát điện: Đây là nguồn phát sinh không thường xuyên, chỉ xảy ra khi có sự cố mất điện lưới. Dự án áp dụng các biện pháp giảm thiểu như chỉ sử dụng nhiên liệu dầu Diesel (DO) có hàm lượng lưu huỳnh thấp ($<0,05\%$) và không có chì; định kỳ bảo dưỡng theo khuyến cáo của nhà sản xuất; bố trí khu vực thông thoáng để đặt máy phát điện.

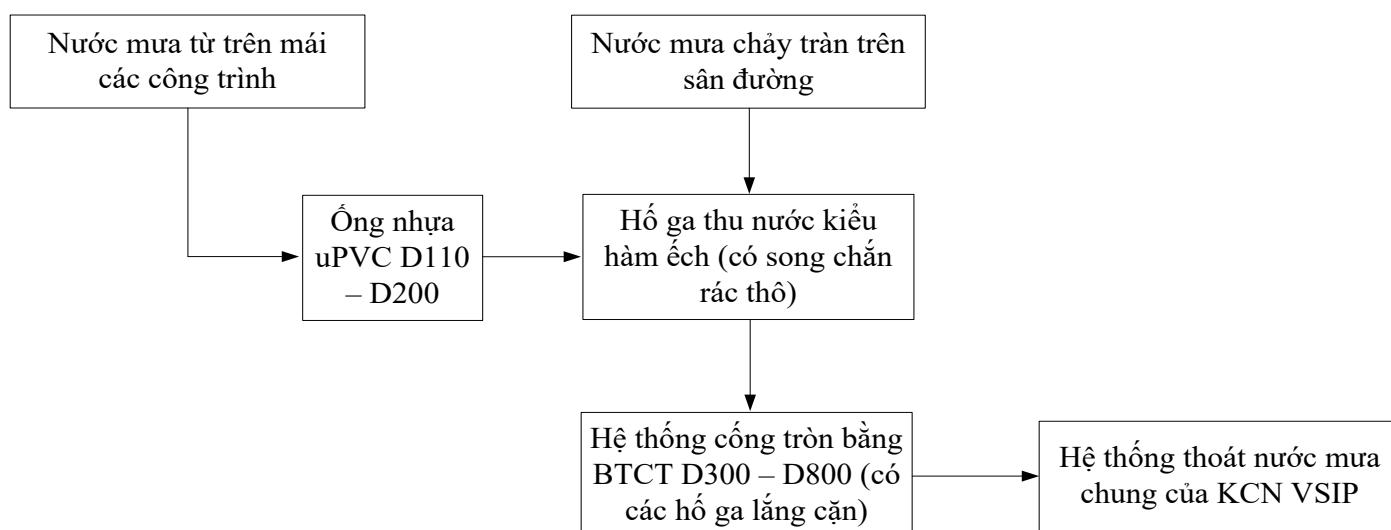
Với các biện pháp trên, Dự án đã giảm thiểu được tối đa các tác động tiêu cực của bụi, khí thải, hơi dầu đến môi trường xung quanh, môi trường lao động và phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

CHƯƠNG III.
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

3.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Dự án đã xây dựng hoàn thiện hệ thống thu gom và thoát nước mưa theo nguyên tắc tự chảy, độc lập với hệ thống thu gom và thoát nước thải.



Hình 3.1. Sơ đồ khối hệ thống thu gom và thoát nước mưa

Nước mưa từ trên mái các công trình theo đường ống nhựa uPVC D110 – D200 được dẫn xuống dưới, cùng với nước mưa chảy tràn trên sân đường nội bộ được thu gom bằng các hố ga thu nước kiểu hàm ếch có lắp các song chắn rác thô đặt dọc hai bên đường, sau đó vào hệ thống cống tròn bằng BTCT D300 - D800, cuối cùng tự chảy theo độ dốc ($i = 0,1\% - 0,2\%$) vào hệ thống thoát nước mưa chung của KCN VSIP. Trên hệ thống cống tròn thoát nước mưa, bố trí các hố ga lắng cặn có kích thước $B \times H = 0,8 \text{ m} \times 1,0 \text{ m}$, đáy đổ bê tông, tường xây gạch trát vữa xi măng, nắp đậy bằng gang đúc.

Dự án có tất cả 02 điểm đầu nối nước mưa vào hệ thống thoát nước mưa chung của KCN VISIP. Trong đó, một điểm đầu nối nằm về phía Tây Bắc khu đất của Dự án; điểm đầu nối còn lại nằm về phía Tây Nam khu đất của Dự án. Chủ dự án sẽ thường xuyên kiểm tra, vệ sinh công nghiệp, nạo hút bùn cặn và kịp thời sửa chữa các hố ga, đường ống bị hư hỏng để tránh gây ngập úng cục bộ.

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

a. Nhu cầu xả nước thải

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng nước (Bảng 1.6 trang 20) tính toán được nhu cầu xả nước thải của Dự án. Trong đó, nước thải sinh hoạt được tính bằng 100% lượng nước sử dụng; nước cấp cho tưới cây hay vệ sinh sân đường bị thấm xuống đất hoặc bị

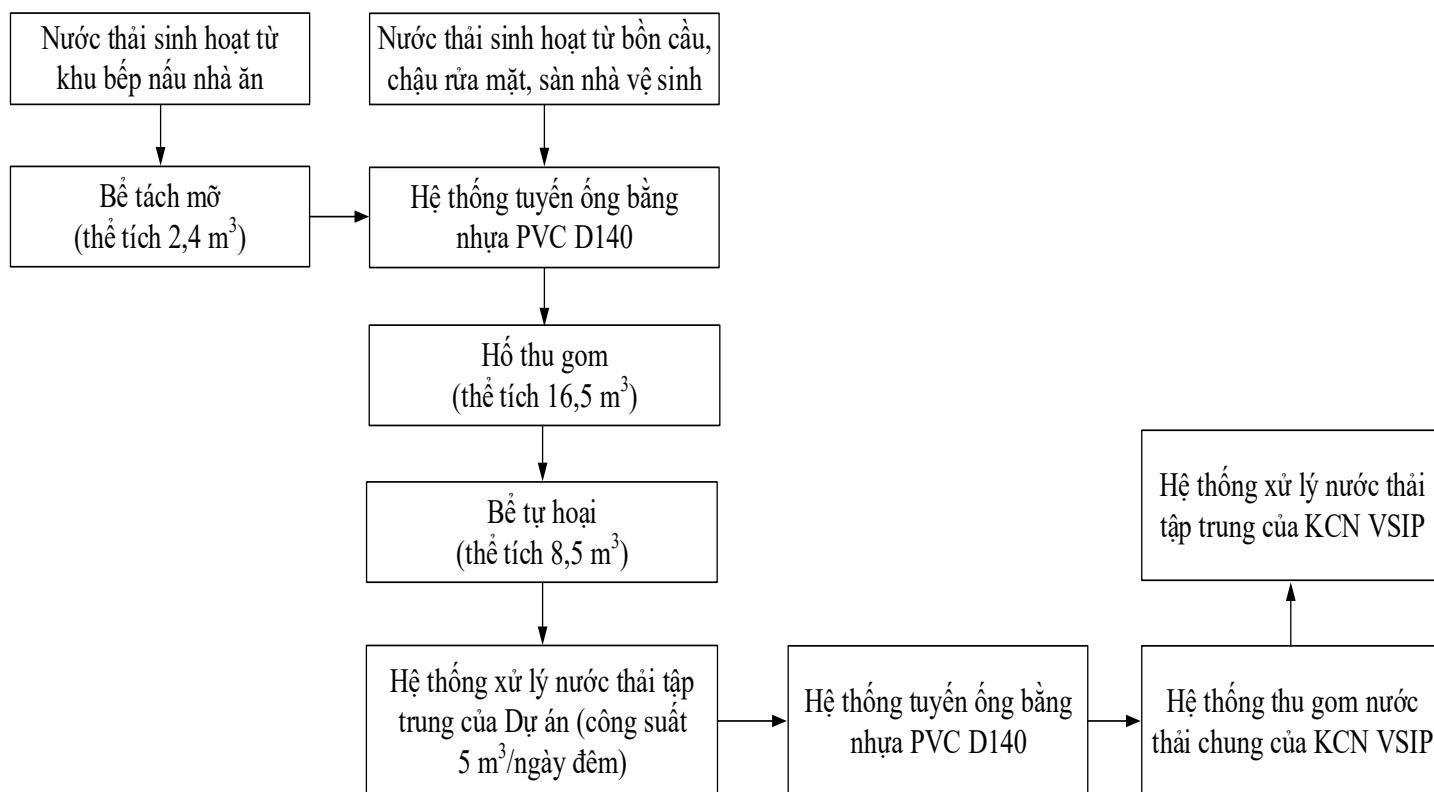
BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

bốc hơi bề mặt. Ngoài ra, Dự án có phát sinh nước thải từ rửa sản phẩm và nước thải từ máy nén khí, tuy nhiên loại nước thải này được thu gom, quản lý như chất thải nguy hại. Do vậy, trong giai đoạn vận hành, Dự án chỉ xả nước thải sinh hoạt vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN VSIP với nhu cầu xả nước thải là **4,6 m³/ngày**.

b. Thu gom và thoát nước thải

Dự án đã xây dựng hoàn thiện hệ thống thu gom và thoát nước thải như sau:



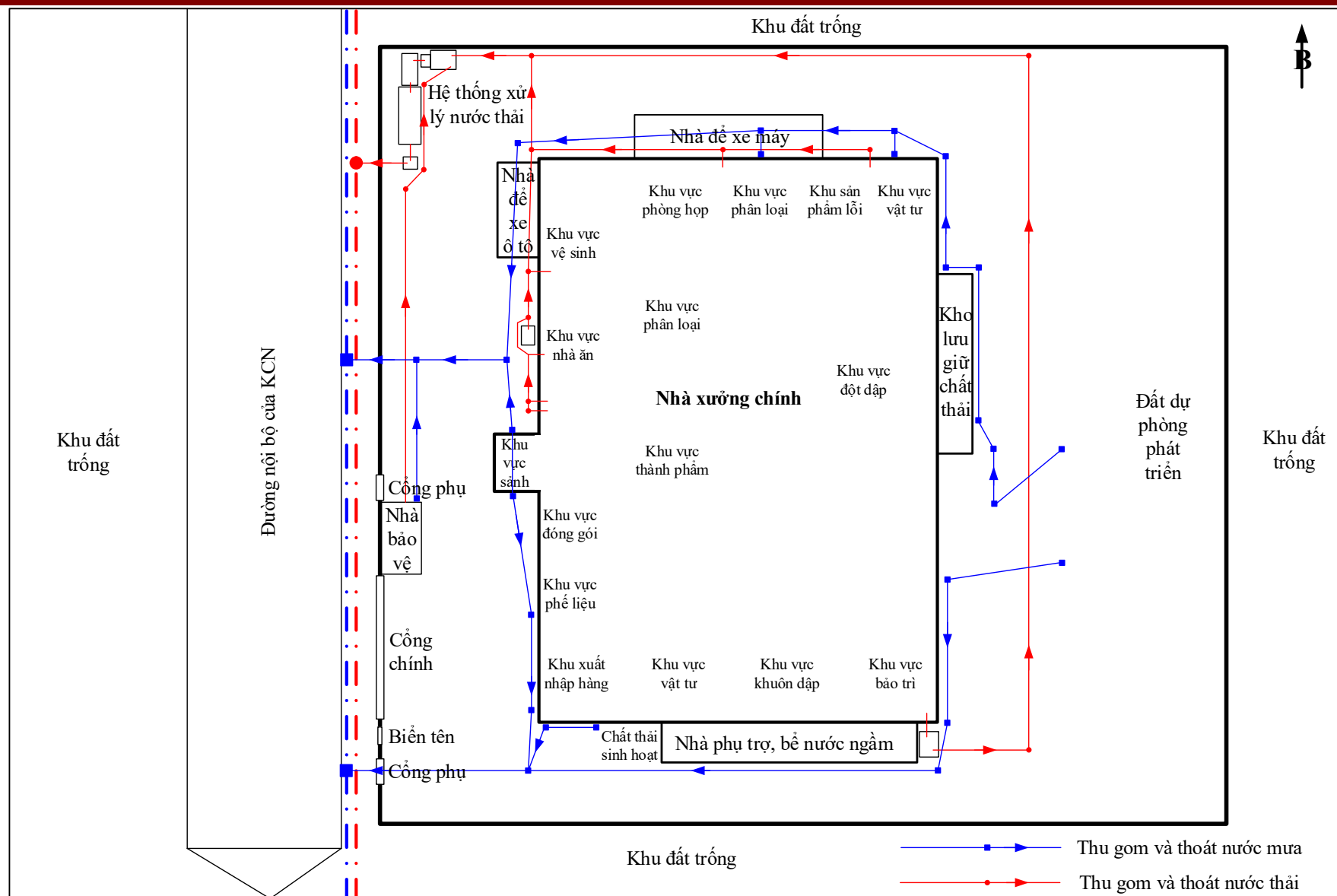
Hình 3.2. Sơ đồ khối hệ thống thu gom và thoát nước thải

Nước thải sinh hoạt từ khu bếp nấu nhà ăn được thu gom, xử lý tại bể tách mỡ (thể tích 2,4 m³), sau đó sẽ cùng với nước thải sinh hoạt từ bồn cầu, chậu rửa mặt, sàn nhà vệ sinh theo hệ thống tuyến ống bằng nhựa PVC D140 (độ dốc $i = 1\%$) chảy vào hố thu gom (thể tích 16,5 m³) và được bơm vào bể tự hoại (thể tích 8,5 m³) để xử lý. Nước thải sau bể tự hoại được bơm vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án (công suất 5,0 m³/ngày đêm) để tiếp tục được xử lý.

Hố thu gom có thể tích 16,5 m³ (kích thước xây dựng BxLxH = 2,40 x 3,40 x 3,47 m), có đáy đổ BTCT mác M200 dày 200 mm, thành xây gạch đặc dày 200 mm, trát vữa xi măng mác M100 dày 20 mm chống thấm, nắp bằng BTCT mác M100 dày 50 mm, bên trong lắp đặt 02 bơm chìm (công suất 250 W; 6 m³/giờ) để bơm nước thải vào bể tự hoại.

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án đạt yêu cầu của KCN VSIP, sẽ theo hệ thống tuyến ống bằng nhựa PVC D140 (độ dốc $i = 1\%$) xả vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN và cuối cùng được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN. Dự án chỉ có một điểm xả nước thải vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN VSIP (nằm về phía Tây Bắc khu đất của Dự án).

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ dệt dệt Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư



Hình 3.3. Bản vẽ tổng thể hệ thống thu gom và thoát nước mưa, nước thải của Dự án

3.1.3. Xử lý nước thải

Các công trình xử lý nước thải của Dự án đã được xây dựng, lắp đặt bao gồm: 01 bể tách mỡ (thể tích 2,4 m³), 01 bể tự hoại (thể tích 8,5 m³) và 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 5 m³/ngày đêm). Các công trình xử lý nước thải này do Công ty TNHH Shimizu Việt Nam là nhà thầu thi công, Công ty TNHH So Asia Việt Nam là đơn vị tư vấn thiết kế và giám sát.

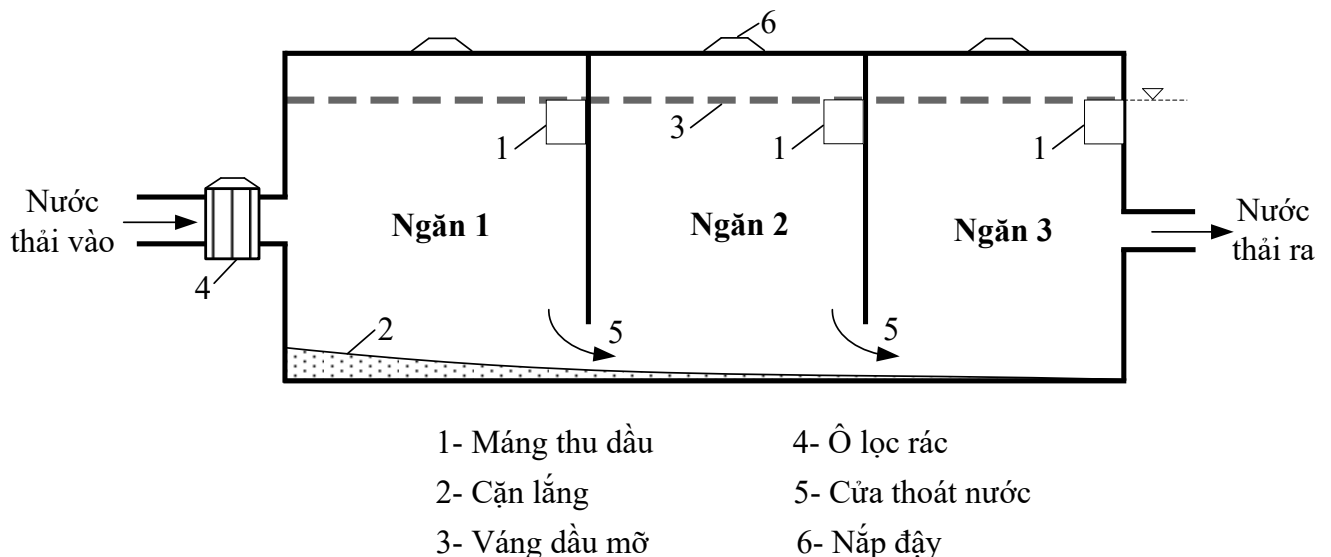
a. Xử lý sơ bộ trước khi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung

Bể tách mỡ

* *Vị trí và kích thước:* Dự án đã xây dựng 01 bể tách mỡ gần khu vực nhà ăn. Bể tách mỡ có thể tích là 2,4 m³ (kích thước xây dựng BxLxH = 1,40 x 2,60 x 2,31 m).

* *Cấu tạo:* Bể tách mỡ có cấu tạo gồm 3 ngăn thông nhau, đáy bể đổ BTCT mác M200 dày 200 mm, thành bể xây gạch đặc dày 200 mm, trát vữa xi măng mác M100 dày 20 mm chống thấm, nắp bể bằng BTCT mác M100 dày 50 mm.

* *Nguyên lý hoạt động:* Nước thải chứa dầu mỡ sau khi qua ô lọc rác chảy vào ngăn thứ nhất để lắng bớt cặn rắn có trong nước thải. Theo trọng lực, váng dầu mỡ nổi lên trên bề mặt sẽ tràn vào máng thu dầu. Nước trong sẽ lần lượt chảy vào ngăn thứ 2 và ngăn thứ 3 thông qua cửa thoát. Tại đây, váng dầu mỡ còn sót lại trong nước thải sẽ được tách vào máng thu dầu của các ngăn này.



Hình 3.4. Sơ đồ cấu tạo bể tách mỡ

** Đánh giá hiệu quả xử lý*

- *Thể tích xử lý:* Theo Báo cáo ĐTM, lưu lượng nước thải chứa dầu mỡ từ nhà ăn vào bể tách mỡ là 1,2 m³/ngày đêm và thể tích của bể tách mỡ là 2,4 m³. Dự án đã xây dựng bể tách mỡ có thể tích là 2,4 m³ theo đúng Báo cáo ĐTM để đảm bảo có thể xử lý sơ bộ được toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ nhà ăn của Dự án.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

- Hiệu suất xử lý: Bể tách mỡ có thể xử lý đạt 70 - 80% đối với váng dầu mỡ và 40 - 50% đối với các chất rắn lơ lửng (TSS). Để tăng hiệu suất xử lý của bể tách mỡ, định kỳ 02 ngày/lần, nhân viên vệ sinh của Dự án sẽ tiến hành thu gom váng dầu mỡ tại các máng thu dầu của bể. Váng dầu mỡ thu gom từ bể tách mỡ được quản lý cùng với chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Dự án.

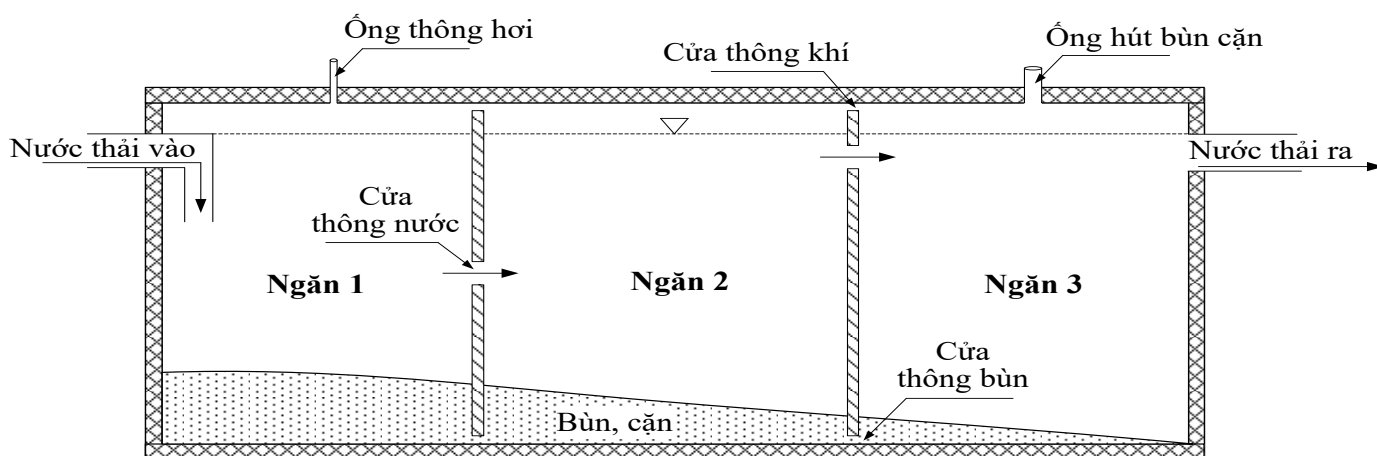
(Bản vẽ hoàn công của bể tách mỡ được đính kèm tại Phụ lục 3)

Bể tự hoại

* *Vị trí và kích thước:* Dự án đã xây dựng 01 bể tự hoại gần khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung. Bể tự hoại có thể tích là 8,5 m³ (kích thước xây dựng BxLxH = 2,10 x 4,20 x 2,93 m).

* *Cấu tạo:* Bể tự hoại gồm 3 ngăn thông nhau, đáy bể đổ BTCT mác M200 dày 200 mm, thành bể xây gạch đặc dày 200 mm trát vữa xi măng mác M100 dày 20 mm chống thấm, nắp bể bằng BTCT mác M200 dày 150 mm.

* *Nguyên lý hoạt động:* Nước thải được làm sạch bởi hai quá trình chính lắng cặn và lên men. Do tốc độ nước qua bể rất chậm nên quá trình lắng cặn trong ngăn lắng có thể xem như quá trình lắng tĩnh. Dưới tác dụng của trọng lực các cặn sẽ lắng dần xuống đáy bể. Tại đây các chất hữu cơ sẽ bị phân huỷ nhờ hoạt động của các vi sinh vật kỵ khí. Cặn lắng được phân huỷ sẽ giảm mùi hôi, chất hữu cơ và thể tích. Tốc độ phân huỷ chất hữu cơ nhanh hay chậm phụ thuộc vào nhiệt độ, độ pH của nước thải và lượng vi sinh vật có mặt trong lớp cặn.



Hình 3.5. Sơ đồ cấu tạo của bể tự hoại

* *Đánh giá hiệu quả xử lý:*

- Thể tích xử lý: Theo Báo cáo ĐTM, lưu lượng nước thải sinh hoạt vào bể tự hoại là 4,6 m³/ngày đêm và thể tích của bể tự hoại là 8,5 m³. Dự án đã xây dựng bể tự hoại có thể tích là 8,5 m³ theo đúng Báo cáo ĐTM để đảm bảo có thể xử lý sơ bộ được toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt của Dự án.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

- Hiệu suất xử lý: Bể tự hoại có thể xử lý đạt 10 - 20% đối với các hợp chất hữu cơ dễ phân huỷ (BOD) và 40 - 50% đối với các chất rắn lơ lửng (TSS). Để tăng hiệu suất xử lý của bể tự hoại, định kỳ 03 tháng/lần, Dự án sẽ tiến hành nạo hút bùn cặn và bổ sung men vi sinh vào bể tự hoại. Bùn cặn nạo hút từ bể tự hoại được quản lý cùng với chất thải rắn thông thường phát sinh tại Dự án.

(Bản vẽ hoàn công của bể tự hoại được đính kèm tại Phụ lục 3)

b. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

Dự án đã xây lắp 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 5 m³/ngày đêm về phía Đông Nam khu đất của Dự án để xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ Dự án. Hệ thống xử lý nước thải tập trung có cấu tạo, nguyên lý hoạt động, chế độ vận hành và các máy móc thiết bị lắp đặt như sau:

Cấu tạo

Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 5,0 m³/ngày đêm bao gồm bể điều hòa, bể thiếu khí, bể hiếu khí, bể lắng, bể lọc, hộp hoá chất khử trùng và bể xả thải được tổ hợp trong một thiết bị hợp khối (module) bằng vật liệu nhựa FRP.

Ngoài ra, còn có bồn Ethanol, bồn PAC bằng vật liệu nhựa PE. Kích thước các bể, bồn của hệ thống xử lý nước thải tập trung như sau:

Bảng 3.1. Kích thước các bể của hệ thống xử lý nước thải tập trung

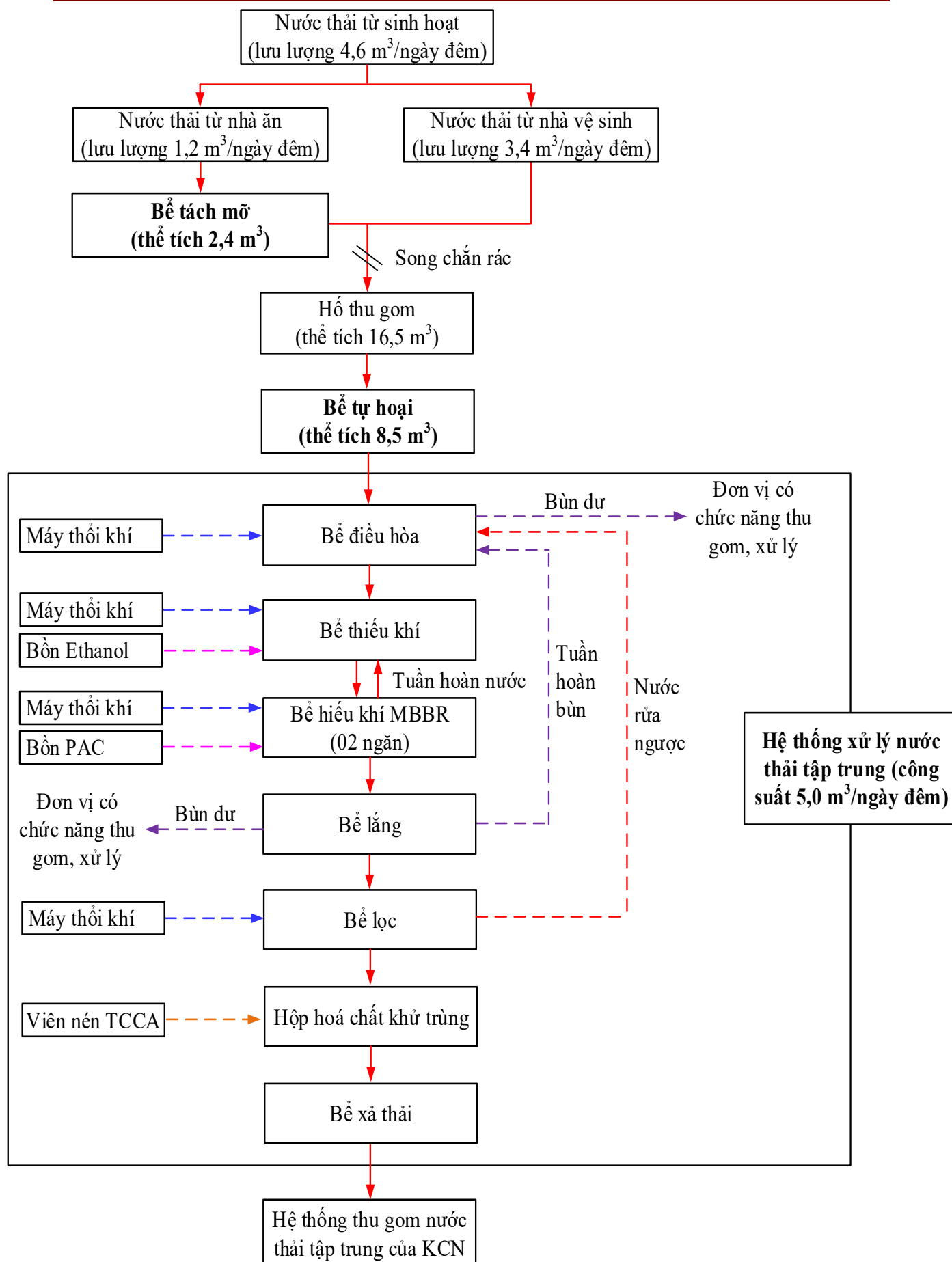
STT	Tên bể/ bồn	Kích thước	Thể tích
1	Bể điều hoà	BxLxH = 2,0 x 5,4 x 2,0 m	3,752 m ³
2	Bể thiếu khí		2,720 m ³
3	Bể hiếu khí (02 ngăn)		1,640 m ³
			3,260 m ³
4	Bể lắng		2,710 m ³
5	Bể lọc		
6	Hộp hoá chất khử trùng		
7	Bể xả thải		
8	Bồn Ethanol	-	100 lít
9	Bồn PAC	-	100 lít

Nguyên lý hoạt động

Hệ thống xử lý nước thải tập trung áp dụng công nghệ xử lý sinh học liên tục kết hợp với hoá lý, dưới tác dụng phân huỷ của các hệ vi sinh vật khác nhau (thiếu khí và hiếu khí) mà các chất gây ô nhiễm có trong nước thải được xử lý.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

*Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư*



Hình 3.6. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải của Dự án

* *Bể điều hòa*: Nước thải sau khi được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại được bơm sang bể điều hòa. Trong bể điều hòa có lắp đặt hệ thống phân phối khí dưới đáy bể để đảo trộn nước thải nhằm tránh phân huỷ yếm khí, đồng thời ổn định lưu lượng, các chất ô nhiễm, nhiệt độ và độ pH của nước thải. Thời gian lưu nước thải tại bể điều hòa đạt từ 4 giờ đến 8 giờ, sau đó nước thải từ bể điều hòa được bơm sang bể thiếu khí.

* *Bể thiếu khí*: Tại đây, nhờ hai chủng vi sinh vật yếm khí tùy tiện dính bám trên các tấm đệm vi sinh là Paracoccus và Acinetobacter, mà quá trình khử Nitrat và quá trình Photphoril trong nước thải được diễn ra.

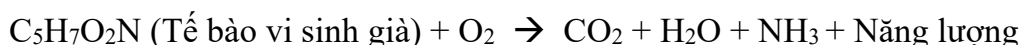
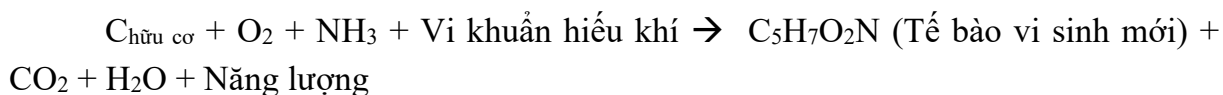
Quá trình khử Nitrat là quá trình tách oxy khỏi Nitrat dưới tác dụng của hệ vi khuẩn Paracoccus để sử dụng cho quá trình oxy hóa các chất hữu cơ, mục đích là chuyển Nitrat về dạng Nitơ tự do theo phản ứng:



Trong phản ứng này, các chất hữu cơ có trong nước thải đóng vai trò là nguồn cung cấp năng lượng cho các vi sinh vật. Do vậy, cần bổ sung thêm các chất hữu cơ để đảm bảo phản ứng luôn được diễn ra. Dự án sử dụng Ethanol ($\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$) để bổ sung vào bể thiếu khí qua hệ thống bơm định lượng. Ngoài ra, trong bể thiếu khí có lắp đặt hệ thống phân phối khí dưới đáy bể để tăng hiệu quả xử lý sinh học.

Quá trình Photphoril là quá trình chuyển hóa các hợp chất Photpho hữu cơ. Các hợp chất hữu cơ chứa Photpho sẽ được hệ vi khuẩn Acinetobacter chuyển hóa thành các hợp chất mới không chứa Photpho và các hợp chất có chứa Photpho nhưng dễ phân huỷ đối với chủng vi khuẩn hiếu khí.

* *Bể hiếu khí*: Bao gồm 02 ngăn, tại đây nhờ các chủng vi sinh vật hiếu khí dính bám trên giá thể lơ lửng chuyển động (MBBR) sẽ sử dụng các chất hữu cơ ($\text{C}_{\text{hữu cơ}}$) và các chất dinh dưỡng (N, P) có trong nước thải để tổng hợp thành các tế bào mới. Cùng với quá trình tổng hợp tế bào mới, sẽ tồn tại quá trình phân huỷ nội sinh (các tế bào vi sinh vật già sẽ tự phân huỷ).



Tuy nhiên, quá trình tổng hợp tế bào mới vẫn chiếm ưu thế vì vậy số lượng tế bào mới tạo thành nhiều hơn tế bào bị phân huỷ, đây chính là nguyên nhân tạo thành bùn dư và lượng bùn dư này sẽ được nạo hút định kỳ. Đồng thời, nhờ sự có mặt của hai chủng vi sinh vật hiếu khí là Nitrosomonas và Nitrobacter, mà Amoni (NH_4^+) có trong nước thải được chuyển hóa thành Nitrat (NO_3^-).



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Trong bể hiếu khí có lắp đặt hệ thống phân phối khí dưới đáy bể và các giá thể MBBR. Ngoài ra, để tăng hiệu quả lắng bùn và hỗ trợ xử lý Photpho trong nước thải, tiến hành bổ sung hoá chất keo tụ (PAC) vào bể hiếu khí thông qua hệ thống bơm định lượng. Tuy nhiên, việc bơm bổ sung PAC vào bể hiếu khí có thể làm ảnh hưởng đến khả năng phát triển của vi sinh vật, do vậy phải đặc biệt lưu ý đến việc điều chỉnh bơm định lượng theo đúng hướng dẫn vận hành.

Như vậy, nước thải sau khi qua bể thiếu khí và bể hiếu khí mà các chất hữu cơ (BOD) và các chất dinh dưỡng (N; P) có trong nước thải được xử lý (hiệu quả xử lý có thể đạt đến 85% - 90%). Thời gian lưu nước tại bể hiếu khí và thiếu khí đạt 6 giờ đến 10 giờ, sau đó nước thải được bơm sang bể lắng.

* **Bể lắng:** Nước thải tại bể lắng được di chuyển theo chiều từ dưới lên trên, các chất rắn lơ lửng trong nước thải sẽ theo trọng lực lắng xuống đáy bể tạo thành bùn. Đáy bể lắng được đánh dốc để bùn có thể tự di chuyển vào phễu thu. Bùn được bơm hồi lại bể điều hoà để làm môi trường phát triển cho vi sinh vật trong các bể thiếu khí và hiếu khí. Nước trong bên trên mặt bể lắng sẽ chảy vào bể lọc.

* **Bể lọc:** Tại đây, nước thải sẽ đi qua lớp vật liệu lọc (là các hạt giá thể bằng nhựa HDPE) theo chiều từ trên xuống dưới. Các chất rắn lơ lửng có trong nước thải sẽ được giữ lại trên bề mặt vật liệu lọc, phần nước trong sẽ chảy vào hộp hoá chất khử trùng. Để làm sạch lớp vật liệu lọc tiến hành rửa ngược định kỳ bằng cách sục khí nén, nước thải từ quá trình rửa ngược được bơm hồi lại bể điều hoà để xử lý.

* **Hộp hoá chất khử trùng:** Tại đây, nước thải được khử trùng bằng viên nén Chlorinne (TCCA). Quá trình diệt vi khuẩn xảy ra qua 2 giai đoạn, đầu tiên chất khử trùng khuếch tán xuyên qua lớp vỏ tế bào vi sinh, sau đó phản ứng với lớp men bên trong tế bào và phá hoại quá trình trao đổi chất dẫn đến sự diệt vong của tế bào.

* **Bể xả thải:** Nước thải sau khi qua hộp hoá chất khử trùng sẽ chảy vào bể xả thải, và cuối cùng xả vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN VSIP.

Chế độ vận hành

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án có công suất 5,0 m³/ngày đêm được vận hành liên tục 24/24 giờ.

- Định kỳ 03 tháng/lần, tiến hành kiểm tra mức bùn dư tại bể điều hoà, bể lắng và thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý.

Máy móc, thiết bị lắp đặt

Bảng 3.2. Máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tập trung

TT	Máy móc, thiết bị	Số lượng (bộ)	Thông tin kỹ thuật
1	Bơm nước thải vào bể điều hoà	02	250 W; 6 m ³ /giờ

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

TT	Máy móc, thiết bị	Số lượng (bộ)	Thông tin kỹ thuật
2	Máy thổi khí (cấp khí vào bể điều hoà, bể thiếu khí, bể hiếu khí)	01	186 W; 15 m ³ /giờ
3	Máy thổi khí (cấp khí vào bể lọc để rửa ngược vật liệu lọc)	01	186 W; 15 m ³ /giờ
4	Bơm định lượng Ethanol	01	22 W; 270 ml/phút
5	Bơm định lượng PAC	01	22 W; 270 ml/phút
6	Tủ điều khiển trung tâm	01	220/380V – 50 Hz

Các máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tập trung được lắp đặt theo bộ. Mỗi bộ gồm có 02 thiết bị hoạt động luân phiên và được điều khiển tự động bằng hệ thống rơ le thời gian. Khi một trong hai thiết bị gặp sự cố, người vận hành hệ thống sẽ chuyển chế độ vận hành tự động sang chế độ vận hành thủ công bằng công tắc được đặt trong tủ điều khiển trung tâm và tiến hành khắc phục sự cố.

 Chất lượng nước thải sau khi xử lý

Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án (trước khi xả thải vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN VSIP) đáp ứng yêu cầu của Công ty TNHH VSIP Hải Phòng (Tiêu chuẩn của KCN VSIP).

 Các hóa chất, chế phẩm vi sinh sử dụng trong xử lý nước thải:

Hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 5,0 m³/ngày đêm) của Dự án sử dụng Ethanol (C₂H₅OH), chất keo tụ (PAC) và chất khử trùng Clorine (TCCA) để hỗ trợ xử lý nước thải. Cụ thể như sau:

Bảng 3.3. Danh mục hóa chất sử dụng trong xử lý nước thải

STT	Tên hóa chất	Đơn vị	Số lượng
1	Ethanol (C ₂ H ₅ OH 25%)	lít/ngày	0,8
2	Chất keo tụ (PAC 10%)	lít/ngày	1,2
3	Chất khử trùng Clorine (TCCA 90%)	g/ngày	60

Ngoài ra, để các vi sinh vật trong các bể xử lý nước thải hoạt động hiệu quả, định kỳ bổ sung thêm dưỡng chất vi sinh vào bể thiếu khí và bể hiếu khí, đặc biệt là trong giai đoạn đầu vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.

(Hồ sơ bản vẽ hoàn công của hệ thống xử lý nước thải tập trung được đính kèm tại Phụ lục 2).

3.1.4. Các biện pháp giảm thiểu tác động của nước thải

Dự án tiếp tục thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của nước thải như sau:

- Bố trí cán bộ phụ trách quản lý, vận hành đúng quy trình kỹ thuật và ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành của hệ thống xử lý nước thải.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

- Tại khu vực xây lắp hệ thống xử lý nước thải tập trung niêm yết sơ đồ quy trình công nghệ và hướng dẫn vận hành.
- Thực hiện công tác kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo các hệ thống xử lý luôn hoạt động tốt nhất.
- Thường xuyên kiểm tra và kịp thời sửa chữa đường ống và các hố ga bị hư hỏng. Định kỳ vệ sinh công nghiệp, các đường ống thu thoát nước mưa, nước thải; vệ sinh, nạo hút bùn cặn tại bể tự hoại, bể lắng, các hố ga; vớt váng dầu mỡ tại bể tách mỡ.

3.2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

Trong giai đoạn vận hành, Dự án phát sinh bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển; bụi, hơi dầu từ quá trình gia công đột dập, gia công tạo hình; bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng. Công trình, biện pháp thu gom và xử lý như sau:

- Các tuyến sân đường giao thông nội bộ đều đã được trải nhựa, thường xuyên tiến hành vệ sinh công nghiệp, phun ẩm sân đường vào những ngày hanh nắng; chỉ sử dụng các phương tiện vận chuyển đã được kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.
- Thường xuyên vệ sinh, định kỳ bảo dưỡng các phương tiện, máy móc, thiết bị; bố trí khu vực thông thoáng để đặt máy phát điện dự phòng.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân vận hành sản xuất; ưu tiên sử dụng các loại dầu bôi trơn, dầu gia công, dầu nhiên liệu thân thiện hơn với môi trường và sức khỏe người lao động.
- Dự án đang tiến hành trồng cây xanh xung quanh và trong khuôn viên, đảm bảo diện tích cây xanh là 3.078,80 m² (chiếm 27,37% tổng diện tích). Đồng thời, tận dụng các khoảng trống để trồng thêm cây xanh và bố trí nhân viên chăm sóc.
- Lắp đặt hệ thống thông gió nhà xưởng, hệ thống điều hoà không khí, hệ thống hút khói chữa cháy, hệ thống hút ẩm không khí tại các khu vực sản xuất, khu vực kho chứa, khu vực văn phòng, khu vực ăn nghỉ.... Cụ thể như sau.

Bảng 3.4. Hệ thống gió, điều hoà, hút khói, hút ẩm của dự án

Vị trí	Hệ thống quạt thông gió		Hệ thống điều hoà không khí		Hệ thống hút khói chữa cháy		Hệ thống hút ẩm không khí	
	Số lượng (chiếc)	Tổng công suất (m ³ /giờ)	Số lượng (chiếc)	Tổng công suất (BTU/giờ)	Số lượng (chiếc)	Tổng công suất (m ³ /giờ)	Số lượng (chiếc)	Tổng công suất (kg/giờ)
Khu vực sản xuất	2	9.800	6	900.000	1	63.200	-	-
Khu vực kho chứa	9	1.690	-	-	1	63.200	13	104

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ dệt dáp Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Vị trí	Hệ thống quạt thông gió		Hệ thống điều hoà không khí		Hệ thống hút khói chữa cháy		Hệ thống hút ẩm không khí	
	Số lượng (chiếc)	Tổng công suất (m ³ /giờ)	Số lượng (chiếc)	Tổng công suất (BTU/giờ)	Số lượng (chiếc)	Tổng công suất (m ³ /giờ)	Số lượng (chiếc)	Tổng công suất (kg/giờ)
Khu vực văn phòng	5	3.370	14	312.000	-	-	-	-
Khu vực ăn nghỉ	5	13.370	6	180.000	-	-	-	-

(Bản vẽ hoàn công của hệ thống thông gió được đính kèm tại Phụ lục 3)

3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG

Trong giai đoạn vận hành, Dự án có phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và phế liệu. Căn cứ Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và hoạt động thực tế trong giai đoạn vận hành thử nghiệm, dự báo khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh như sau:

Bảng 3.5. Dự báo khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh tại Dự án

STT	Nguồn phát sinh	Mã chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường		2.210,5
1.1	Gỗ (thùng gỗ, pallet gỗ)	18 01 07	1.200
1.2	Giấy (bìa carton, giấy bọc, giấy in)	18 01 05	600
1.3	Kim loại (dây đai sắt, đinh ghim kẹp)		50
1.4	Nhựa (khay nhựa, bao bì nhựa)	18 01 06	300
1.5	Mực in văn phòng	08 02 06	0,5
1.6	Khác (túi nilon, màng bọc nilon, dây sợi buộc,...)		60
2	Chất thải rắn sinh hoạt (63 người)		820
3	Phế liệu (gồm nguyên liệu thừa và sản phẩm lỗi không thể khắc phục)		61.550
3.1	Đồng phế liệu		61.000
3.2	Thép phế liệu		550
Tổng			3.030,5

Dự án đã ban hành nội quy giữ gìn vệ sinh chung và bố trí nhân viên vệ sinh công nghiệp. Nhân viên vệ sinh có trách nhiệm hàng ngày vệ sinh, thu gom, phân loại, tập kết các loại chất thải phát sinh đến đúng nơi quy định.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

*** Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường**

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường có khả năng tái chế (như gỗ, giấy, kim loại, nhựa) được thu gom về kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường có khả năng tái chế có tổng diện tích là 13,4 m² gồm 02 ngăn riêng biệt có diện tích là 6,7 m²/ngăn về phía Đông của nhà xưởng chính.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường không có khả năng tái chế (như mực in, túi nilon, màng nilon, dây sợi buộc.....) được thu gom về kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường không có khả năng tái chế có tổng diện tích là 20,2 m² gồm 03 ngăn riêng biệt có diện tích là 6,8 m²; 6,7 m² và 6,7 m² về phía Đông của nhà xưởng chính.

- Chủ dự án đã ký Hợp đồng số 2022/MPV-ĐT/RCN ngày 20/12/2021 với Công ty TNHH Phát triển, thương mại và sản xuất Đại Thắng để thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh của Dự án.

*** Đối với chất thải rắn sinh hoạt**

- Tại khu vực nhà ăn, đã bố trí 02 thùng rác loại 120 lít bằng nhựa có nắp đậy với hai màu khác nhau để quy định chứa chất thải vô cơ và chất thải hữu cơ.

- Tại khu vực văn phòng, đã bố trí các thùng rác loại 25 lít bằng nhựa có nắp đậy để thu gom chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn từ hoạt động văn phòng.

- Đã bố trí khu tập kết rác thải sinh hoạt có diện tích khoảng 8,4 m² (về phía Tây Nam của nhà xưởng chính). Tại đây, đã bố trí 03 thùng rác loại 500 lít bằng nhựa có nắp đậy kín để tập kết rác thải sinh hoạt.

- Hàng ngày, xe thu gom rác thải của KCN VSIP sẽ đến thu gom, vận chuyển toàn bộ lượng rác thải sinh hoạt phát sinh của Dự án mang đi xử lý theo quy định.

*** Đối với phế liệu**

- Đồng phế liệu và thép phế liệu (bao gồm nguyên liệu thừa từ sản xuất và sản phẩm lỗi không thể khắc phục) được thu gom về khu lưu giữ nguyên liệu thừa, vật liệu tái chế trong nhà xưởng chính (khu lưu giữ phế liệu), có tổng diện tích là 31,6 m² (khu lưu giữ đồng phế liệu là 27,6 m², khu lưu giữ thép phế liệu là 4,0 m²).

- Đối với đồng phế liệu, Chủ dự án đã ký Hợp đồng số OHG (S) – MPV01 ngày 01/07/2015 với Công ty Ohgitani Singapore để chuyển giao toàn bộ lượng đồng phế liệu phát sinh này. Đối với thép phế liệu Chủ dự án đã ký Hợp đồng số 2022/MPV-ĐT/RCN ngày 20/12/2021 với Công ty TNHH Phát triển, thương mại và sản xuất Đại Thắng để chuyển giao toàn bộ lượng thép phế liệu phát sinh này.

(Hồ sơ bản vẽ hoàn công của kho chất thải, khu phế liệu được đính kèm tại Phụ lục 3)

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ dệt dáp Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

3.4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Trong giai đoạn vận hành, Dự án phát sinh chất thải nguy hại chủ yếu là từ hoạt động sản xuất và hoạt động bảo dưỡng máy móc thiết bị. Căn cứ Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và hoạt động thực tế trong giai đoạn vận hành thử nghiệm, dự báo khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại Dự án như sau:

Bảng 3.6. Dự báo khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại Dự án

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Tính chất nguy hại chính	Khối lượng (kg/tháng)
1	Chất thải có silic hữu cơ nguy hại (gói hút ẩm)	Rắn	02 08 01	Đ, C	80
2	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	Lỏng	07 03 05	Đ, ĐS	250
3	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu	Rắn	07 03 11	Đ, ĐS	20
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	Đ, ĐS	1,5
5	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	Đ, ĐS, AM	5
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	Đ, ĐS, C	30
7	Bao bì kim loại cứng thải	Rắn	18 01 02	Đ, ĐS	50
8	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	18 01 03	Đ, ĐS	10
9	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	Đ, ĐS	320
10	Nước thải có các thành phần nguy hại (nước thải từ rửa sản phẩm, nước thải từ máy nén khí)	Lỏng	19 10 01	Đ, ĐS	50
Tổng					816,5

Các công trình, thiết bị lưu giữ và biện pháp quản lý chất thải nguy hại trong giai đoạn vận hành của Dự án như sau:

- Phân công cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm để đảm nhiệm việc quản lý, phân định và phân loại CTNH.
- Lập Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH trình Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng xác nhận theo quy định.
- Thực hiện phân loại CTNH ngay tại nguồn phát sinh. Các CTNH khi phát sinh sẽ được tập kết về kho lưu giữ và phân loại vào các thùng chứa riêng biệt. Bên ngoài mỗi thùng chứa CTNH có dán mã và dấu hiệu cảnh báo CTNH.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

- Đã xây dựng một kho lưu giữ CTNH có diện tích là 13,5 m² gồm 02 ngăn riêng biệt có diện tích là 6,7 m² và 6,8 m² (về phía Đông của nhà xưởng chính) theo các yêu cầu kỹ thuật như sau:

+ Kho có mái che kín nắng mưa, nền xi măng chống thấm, có rãnh và hố thu gom chất thải dạng lồng bên trong, có gờ chắn tại cửa.

+ Bên ngoài kho có cửa ra vào khép kín và có biển báo ghi rõ “Kho lưu giữ chất thải nguy hại” bằng khổ chữ lớn để nhận biết.

+ Bên trong kho bố trí các vật liệu thấm hút (cát khô, tấm thấm....) và dụng cụ (xô, xẻng....) để ứng phó trong trường hợp tràn đổ CTNH. Ngoài ra, kho được trang bị các thiết bị PCCC (bình cứu hoả....) theo quy định.

- Chủ dự án đã ký Hợp đồng số 2022/MPV-ĐT/CTNH ngày 23/12/2021 với Công ty TNHH Phát triển, thương mại và sản xuất Đại Thắng để thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh của Dự án.

- Lưu giữ đầy đủ chứng từ CTNH, lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường có nội dung về quản lý chất thải nguy hại và gửi về Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Thuỷ Nguyên để theo dõi, giám sát.

(Hồ sơ bản vẽ hoàn công của kho CTNH được đính kèm tại Phụ lục 3)

3.5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

Trong giai đoạn vận hành của Dự án, nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chủ yếu là từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển và hoạt động của các máy móc, thiết bị sản xuất (như máy đột dập, máy mài, máy khoan, máy nén khí, máy phát điện...).

*** Công trình, biện pháp giảm thiểu**

- Các phương tiện vận chuyển ra vào Dự án phải giảm tốc độ, đi theo hướng dẫn của bảo vệ và tắt máy khi dừng đỗ.

- Lập phương án sản xuất hợp lý để hạn chế các phương tiện, máy móc, thiết bị bị có tiếng ồn, độ rung cao hoạt động vào cùng một thời điểm.

- Các phương tiện, máy móc, thiết bị được vận hành đúng công suất, yêu cầu kỹ thuật và được thường xuyên vệ sinh, định kỳ bảo dưỡng, kịp thời sửa chữa để đảm bảo luôn hoạt động ở trạng thái ổn định.

- Nền móng nhà xưởng được gia cố vững chắc, được tính toán chịu lực để giảm độ rung và tiếng ồn của máy móc, thiết bị lắp đặt.

- Lắp đặt đệm tiêu âm, đế chống rung cho các máy móc, thiết bị có khả năng gây tiếng ồn, độ rung lớn như máy đột dập, máy mài, máy khoan, máy nén khí, máy phát điện...

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân vận hành như nút bịt tai, găng tay chống rung, giày chống rung...

**** Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng***

- Tiếng ồn gây ra bởi Dự án phải đảm bảo không vượt quá giá trị tối đa cho phép được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Độ rung gây ra bởi Dự án phải đảm bảo không vượt quá giá trị tối đa cho phép được quy định tại QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG KHI DỰ ÁN ĐI VÀO VẬN HÀNH

Các rủi ro, sự cố chính có thể xảy ra trong giai đoạn vận hành của Dự án gồm sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, sự cố hoá chất, sự cố hệ thống xử lý nước thải và các rủi ro, sự cố khác (như thiên tai, dịch bệnh, an toàn thực phẩm...). Biện pháp phòng ngừa và ứng phó các rủi ro, sự cố cơ bản như sau:

**** Đối với sự cố cháy nổ***

- Dự án đã lắp đặt hoàn thiện hệ thống báo nhiệt, báo khói tự động và hệ thống chuông báo cháy theo quy định.

- Dự án đã lắp đặt hoàn thiện các trang thiết bị chữa cháy tại chỗ, hệ thống chữa cháy vách tường, hệ thống chữa cháy tự động theo quy định.

- Dự án đã lập Đội PCCC thường trực và hàng năm sẽ kết hợp với Cảnh sát PCCC tổ chức tập huấn những kiến thức, kỹ năng về PCCC.

- Dự án sẽ thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống PCCC và kịp thời thay thế khi hư hỏng để đảm bảo luôn trong tình trạng sẵn sàng sử dụng khi xảy ra sự cố.

- Dự án sẽ nghiêm túc thực hiện các biện pháp phòng ngừa đối với một số nguy cơ gây cháy nổ cao như an toàn về điện, an toàn về sét đánh.

- Dự án đã được Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ – Công an thành phố Hải Phòng đã chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Văn bản số 151/NT-PC07 ngày 21/7/2022 (đính kèm tại Phụ lục 1).

**** Đối với tai nạn lao động***

- Ban hành các quy định và quy trình an toàn lao động cho các công đoạn sản xuất. Đặc biệt là quy trình vận hành an toàn các máy móc, thiết bị có nguy cơ gây tai nạn lao động cao như máy đột dập, máy mài, máy khoan, máy nén khí, cầu trục...

- Tuyên truyền giáo dục về an toàn lao động cho công nhân, thường xuyên kiểm tra, giao trách nhiệm cho người quản lý tại các bộ phận sản xuất, đồng thời xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm quy định về an toàn lao động.

- Lắp đặt hoặc bổ sung những công cụ cần thiết ở những khu vực tiềm ẩn nguy cơ tai nạn lao động để ngăn ngừa tai nạn lao động xảy ra.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

- Trang bị đầy đủ các thiết bị an toàn lao động cá nhân thích hợp như khẩu trang, găng tay, mũ và kính bảo hộ...

- Trang bị các dụng cụ sơ cứu, thuốc men tại phòng y tế để đề phòng khi xảy ra tai nạn lao động, ốm đau. Trong trường hợp cần thiết cần nhanh chóng đưa nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất để cứu chữa kịp thời.

- Đảm bảo 100% cán bộ, công nhân viên có bảo hiểm y tế và tổ chức khám sức khỏe định kỳ theo quy định cho toàn thể cán bộ, công nhân viên.

*** Đối với sự cố tràn đổ hóa chất**

- Các hóa chất được lưu giữ tại khu vực riêng biệt trong kho nguyên liệu, có bảng nội quy về an toàn hóa chất, có biển báo nguy hiểm thể hiện đầy đủ các đặc tính nguy hiểm của hóa chất, có bảng hướng dẫn cụ thể về quy trình thao tác an toàn.

- Khu vực lưu giữ hóa chất có rãnh thu và hố gom hóa chất bị rò rỉ, tràn đổ. Sàn kho chịu được hóa chất, tải trọng, chống trơn trượt và có gờ bao quanh đảm bảo hóa chất bên trong không chảy ra bên ngoài.

- Khu vực lưu giữ hóa chất có trang bị đầy đủ thiết bị PCCC theo quy định và các trang thiết bị ứng phó sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất như xô nhựa, xẻng nhựa, cát khô, kính và mặt nạ phòng độc...

- Các thùng phuy, can đựng hóa chất đảm bảo được xếp đúng yêu cầu kỹ thuật và người được phân công quản lý an toàn hóa chất có trách nhiệm hàng ngày kiểm tra tình trạng an toàn tại khu vực lưu giữ hóa chất.

- Khi xảy ra sự cố hoá chất (rò rỉ, tràn đổ, cháy nổ...) phải thông báo ngay người quản lý an toàn hóa chất và thực hiện ngay các biện pháp ứng phó đã đề ra theo từng loại hoá chất, sử dụng các bảo hộ lao động, trang thiết bị PCCC... để ứng phó sự cố.

- Thực hiện các biện pháp sơ cứu khi bị hoá chất dính vào người hoặc bị ngộ độc hoá chất theo đúng hướng dẫn trong phiếu an toàn hoá chất và nhanh chóng chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất.

- Định kỳ hàng năm tổ chức đào tạo, kiểm tra kiến thức cho cán bộ, công nhân về an toàn hóa chất và tổ chức diễn tập biện pháp ứng phó sự cố hóa chất tại khu vực sản xuất và khu vực lưu giữ hóa chất.

*** Đối với sự cố hệ thống xử lý nước thải**

- Dự án đã niêm yết sơ đồ công nghệ và quy trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải tập trung tại khu vực xây lắp hệ thống xử lý.

- Dự án đã bố trí nhân viên được đào tạo, tập huấn về chuyên môn để quản lý và vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

- Nhân viên vận hành ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải (thời gian vận hành, tình trạng thiết bị, lưu lượng nước thải, lượng hóa chất sử dụng, lượng bùn thải phát sinh....).

- Nhân viên vận hành thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo dưỡng hệ thống đường ống, hệ thống điện, hệ thống máy bơm, động cơ.... theo khuyến cáo của đơn vị xây lắp hệ thống xử lý nước thải.

- Nhân viên vận hành hàng ngày kiểm tra bằng cảm quan chất lượng nước thải sau khi xử lý (như màu sắc, mùi, chất rắn lơ lửng....) nếu phát hiện bất thường thì phải ngưng bơm nước thải từ bể điều hòa vào các bể xử lý và tiến hành kiểm tra, khắc phục ngay sự cố theo hướng dẫn của đơn vị xây lắp hệ thống xử lý nước thải.

- Các máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tập trung được lắp đặt theo bộ gồm có 02 thiết bị hoạt động luân phiên và được điều khiển tự động bằng hệ thống rơ le thời gian. Khi một trong hai thiết bị gặp sự cố, người vận hành hệ thống sẽ chuyển chế độ vận hành tự động sang chế độ vận hành thủ công bằng công tắc được đặt trong tủ điều khiển trung tâm và tiến hành khắc phục sự cố.

- Khi hệ thống xử lý nước thải không thể khắc phục ngay được sự cố, Chủ dự án sẽ liên hệ với Công ty TNHH VSIP Hải Phòng để thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh theo quy định.

- Dự án đã trang bị máy phát điện dự phòng và đảm bảo công suất phục vụ cho việc vận hành hệ thống xử lý nước thải khi điện lưới bị mất.

*** Đối với các rủi ro, sự cố khác**

- Sự cố ngộ độc thực phẩm: Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm ở tất cả các khâu như lựa chọn thực phẩm, bảo quản thực phẩm, chế biến thực phẩm. Thường xuyên vệ sinh khu vực chế thực phẩm và giữ gìn vệ sinh môi trường. Trong trường hợp phát hiện sau ăn có dấu hiệu bất thường (nôn, đau đầu, tiêu chảy....) đưa tới ngay cơ sở y tế gần nhất để được thăm khám điều trị.

- Sự cố dịch bệnh: Tuyên truyền và phổ biến kiến thức đến các cán bộ, công nhân viên về vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh. Đề ra các quy định và giám sát việc thực hiện giữ gìn vệ sinh môi trường chung, bỏ rác thải đúng nơi quy định.... Khi phát hiện dịch bệnh phải kịp thời báo ngay đến các đơn vị có liên quan (như Sở Y tế, Trung tâm Y tế dự phòng,...) để có biện pháp xử lý.

- Sự cố thiên tai: Lập kế hoạch chi tiết phòng chống lụt bão và các sự cố thiên tai trong giai đoạn hoạt động của Dự án. Trang bị kiến thức và tổ chức diễn tập ứng cứu sự cố lụt bão và các sự cố thiên tai khác cho các cán bộ nhân viên của Dự án. Thường xuyên theo dõi dự báo về lụt bão và các hiện tượng thời tiết bất thường để kịp thời có kế hoạch ứng phó và phân công nhiệm vụ.

3.7. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC

Các tác động khác đến môi trường trong giai đoạn vận hành của Dự án gồm ô nhiễm nhiệt; giao thông khu vực; kinh tế - xã hội khu vực. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động cơ bản như sau:

*** Đối với ô nhiễm nhiệt**

- Lắp đặt hệ thống thông gió nhà xưởng, hệ thống điều hoà không khí tại các khu vực sản xuất, khu vực văn phòng, khu vực ăn nghỉ....
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cá nhân như quần áo, găng tay, mặt nạ, kính... cho công nhân viên.
- Bố trí các bình nước uống phục vụ công nhân viên tại những vị trí thuận tiện, đặc biệt là vào những ngày nắng nóng.

*** Đối với giao thông của khu vực**

- Tuyên truyền, giáo dục về an toàn giao thông, phổ biến các văn bản pháp luật về giao thông đường bộ cho công nhân viên trong Dự án.
- Yêu cầu người điều khiển phương tiện chấp hành các quy định về an toàn giao thông đường bộ như chờ đúng trọng tải, chạy đúng làn đường, đúng tốc độ...
- Bố trí tuyến đường vận chuyển, thời gian vận chuyển hợp lý, hạn chế qua khu vực đông dân cư, chợ, trường học, bệnh viện... và tránh vào các giờ cao điểm, tan tầm.
- Các phương tiện vận chuyển dừng, đỗ đúng nơi quy định và có kế hoạch cứu hộ các phương tiện bị sự cố, tránh gây ách tắc giao thông.

*** Đối với kinh tế - xã hội của khu vực**

- Ưu tiên sử dụng nguồn lao động tại địa phương.
- Thực hiện các hoạt động tuyên truyền, giáo dục pháp luật, phòng, chống tệ nạn xã hội cho toàn thể cán bộ, công nhân viên.
- Kết hợp với chính quyền địa phương để quản lý nhân khẩu như đăng ký tạm trú, thường xuyên kiểm tra nhân khẩu để kịp thời phát hiện và ngăn chặn các tệ nạn.
- Đề ra các nội quy, quy chế nghiêm khắc để xử lý kỷ luật đối với các trường hợp gây mất trật tự, an ninh xã hội.

3.8. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Các nội dung thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được UBND thành phố Hải Phòng phê duyệt tại Quyết định số 1181/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 như sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Bảng 3.7. Tổng hợp các nội dung thay đổi so với phương án trong Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt

TT	Nội dung thay đổi	Phương án đã được phê duyệt	Phương án thực tế	Lý do và đánh giá sự thay đổi
1	Quy trình công nghệ xử lý nước thải	Nước thải → Bể điều hoà → Bể thiếu khí (bổ sung Methanol) → Bể hiếu khí (bổ sung NaOH, Polytetsu) → Bể lắng → Hộp hoá chất khử trùng (bổ sung TCCA) → Bể xả thải → KCN VSIP. Bùn từ bể lắng một phần được hồi lưu lại bể hiếu khí và bể thiếu khí, phần dư được bơm về bể chứa bùn và thuê đơn vị có chức năng đến nạo hút, xử lý.	Nước thải → Bể điều hoà → Bể thiếu khí (bổ sung Ethanol) → Bể hiếu khí (bổ sung PAC) → Bể lắng → Bể lọc → Hộp hoá chất khử trùng (bổ sung TCCA) → Bể xả thải → KCN VSIP. Bùn từ bể lắng một phần được hồi lưu lại bể hiếu khí và bể thiếu khí, phần dư vẫn được lưu tại đáy của bể lắng và thuê đơn vị có chức năng đến nạo hút, xử lý.	- Sử dụng PAC thay cho Polytetsu, Ethanol thay cho Methanol. Do PAC và Ethanol có tính chất tương tự nhưng lại phổ biến hơn ở ngoài thị trường, thuận tiện cho việc vận hành. - Nước thải sinh hoạt có độ pH khá ổn định trong mức trung tính và công suất của hệ thống xử lý cũng khá nhỏ, nên biến động về pH là không đáng kể. Do vậy, không cần phải bổ sung thêm NaOH để điều chỉnh pH. - Bổ sung thêm bể lọc sau bể lắng để tăng thêm hiệu quả xử lý các chất rắn lơ lửng có trong nước thải. - Bể hiếu khí của hệ thống xử lý áp dụng công nghệ giá thể chuyển động (MBBR) nên hàm lượng bùn phát sinh rất ít, đồng thời công suất của hệ thống xử lý cũng khá nhỏ. Do vậy, không cần phải xây lắp thêm bể chứa bùn riêng.
2	Diện tích của các kho lưu giữ phế liệu và chất thải	- Kho lưu giữ CTR công nghiệp có khả năng tái chế: 8,4 m². - Kho lưu giữ CTR công nghiệp không có khả năng tái chế: 28,0 m². - Kho lưu giữ thép phế liệu: 4,2 m². - Kho lưu giữ đồng phế liệu: 55,3 m². - Kho lưu giữ CTNH: 4,2 m².	- Kho lưu giữ CTR công nghiệp có khả năng tái chế: 13,4 m². - Kho lưu giữ CTR công nghiệp không có khả năng tái chế: 20,2 m². - Khu lưu giữ thép phế liệu: 4,0 m². - Khu lưu giữ đồng phế liệu: 27,6 m². - Kho lưu giữ CTNH: 13,5 m².	- Việc điều chỉnh diện tích kho lưu giữ CTR là để phù hợp với lượng CTR phát sinh thực tế. - Việc giảm diện tích khu lưu giữ đồng phế liệu là do đồng phế liệu được đóng vào các thùng pallet gỗ, có thể xếp chồng nên không cần diện tích lớn. - Việc tăng diện tích kho lưu giữ CTNH là để đảm bảo lưu giữ tạm thời lượng chất thải phát sinh.

CHƯƠNG IV.
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

- Dự án nằm trong Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Hải Phòng nên không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Do nước thải sau xử lý của Dự án đã được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN VSIP.

- Chủ dự án đã ký Hợp đồng thuê lại đất và cơ sở hạ tầng trong Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Hải Phòng (Hợp đồng số 001/2019/LA/MCSD-VSIP HP) với Công ty TNHH VSIP Hải Phòng, trong đó có thỏa thuận về đầu nối nước thải vào hệ thống hệ thống thu gom nước thải chung của KCN VSIP.

- Chủ dự án tiếp tục nghiêm túc vận hành các công trình xử lý nước thải và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của nước thải theo nội dung tại mục 3.1 (trang 24) của Báo cáo.

4.2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

- Dự án không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý nên không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với bụi, khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Chủ dự án tiếp tục nghiêm túc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải theo nội dung tại mục 3.2 (trang 34) của Báo cáo.

4.3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

4.3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Trong giai đoạn vận hành, các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung của Dự án như sau:

- Nguồn số 1: Khu vực đặt các máy dệt dấp để sản xuất sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện.

- Nguồn số 2: Khu vực đặt các máy mài, máy khoan, máy phay, máy cắt, máy cưa... để sản xuất khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm.

- Nguồn số 3: Khu vực đặt các máy nén khí.

- Nguồn số 4: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng.

4.3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Các vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung tại Dự án tương ứng với các nguồn phát sinh. Cụ thể như sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Bảng 4.1. Toạ độ các vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

TT	Vị trí phát sinh	Toạ độ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105 ⁰ 45', múi chiều 3 ⁰)
1	Nguồn số 1	X = 2313839.628; Y = 601102.508
2	Nguồn số 2	X = 2313795.574; Y = 601097.483
3	Nguồn số 3	X = 2313787.906; Y = 601109.519
4	Nguồn số 4	X = 2313788.217; Y = 601086.825

4.3.3. Giá trị giới hạn tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Cụ thể như sau:

** Tiếng ồn*

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Ghi chú
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	Khu vực thông thường
	70	55	

** Độ rung*

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	Khu vực thông thường
	70	60	

4.4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

4.4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với quản lý chất thải

a. Nguồn phát sinh chất thải

* *Chất thải nguy hại*: Phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh và hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa các máy móc, thiết bị của Dự án.

* *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*: Phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm và hoạt động sản xuất, kinh doanh của Dự án

* *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các cán bộ, công nhân viên làm việc tại Dự án.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ dệt dáp Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

* *Phế liệu*: Phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện gồm nguyên liệu thừa và sản phẩm lỗi không thể khắc phục.

b. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh

* *Chứng loại, khối lượng chất thải nguy hại*

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Tính chất nguy hại chính	Khối lượng (kg/tháng)
1	Chất thải có silic hữu cơ nguy hại (gói hút ẩm)	Rắn	02 08 01	Đ, C	80
2	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	Lỏng	07 03 05	Đ, ĐS	250
3	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu	Rắn	07 03 11	Đ, ĐS	20
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	Đ, ĐS	1,5
5	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	Đ, ĐS, AM	5
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	Đ, ĐS, C	30
7	Bao bì kim loại cứng thải	Rắn	18 01 02	Đ, ĐS	50
8	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	18 01 03	Đ, ĐS	10
9	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	Đ, ĐS	320
10	Nước thải có các thành phần nguy hại (nước thải từ rửa sản phẩm, nước thải từ máy nén khí)	Lỏng	19 10 01	Đ, ĐS	50
Tổng					816,5

* *Khối lượng, chứng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường*

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Gỗ (thùng gỗ, pallet gỗ)	18 01 07	1.200
2	Giấy (bìa carton, giấy bọc, giấy in)	18 01 05	600
3	Kim loại (dây đai sắt, đinh ghim kẹp)		50
4	Nhựa (khay nhựa, bao bì nhựa)	18 01 06	300
5	Mực in văn phòng	08 02 06	0,5
6	Khác (túi nilon, màng bọc nilon, dây sợi buộc,...)		60
Tổng			2.210,5

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

** Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt*

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh là khoảng **820 kg/tháng** tương đương khoảng **9,8 tấn/năm**.

** Khối lượng, chủng loại phế liệu*

STT	Tên phế liệu	Khối lượng (kg/tháng)
1	Đồng phế liệu	61.000
2	Thép phế liệu	550
Tổng		61.550

b. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải

** Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại*

- Số lượng, quy mô: 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại gồm 02 ngăn, có tổng diện tích khoảng 13,5 m².

- Quy trình vận hành: Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại vào các thùng chứa riêng biệt cho từng loại chất thải, ghi mã chất thải nguy hại, dán dấu hiệu cảnh báo và lưu giữ tạm thời tại kho chứa chất thải nguy hại trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

** Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường*

- Số lượng, quy mô công trình: 01 kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường có khả năng tái chế gồm 02 ngăn, có tổng diện tích khoảng 13,4 m²; 01 kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường không có khả năng tái chế gồm 03 ngăn, có tổng diện tích khoảng 20,2 m².

- Quy trình vận hành: Chất thải rắn công nghiệp thông thường được phân loại, thu gom, lưu giữ tạm thời tại kho chứa chất thải rắn thông thường trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

** Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt*

- Số lượng, quy mô: Bố trí các thùng chứa rác thải tại khu văn phòng, nhà ăn, xưởng sản xuất và khu tập kết rác thải sinh hoạt có diện tích khoảng 8,4 m².

- Quy trình vận hành: Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, phân loại vào các thùng chứa và tập kết tại khu tập kết rác thải sinh hoạt trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

** Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý phế liệu*

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

- Số lượng, quy mô: Bố trí 02 khu lưu giữ phế liệu trong nhà xưởng chính có tổng diện tích khoảng 31,6 m².

- Quy trình vận hành: Phế liệu được thu gom, phân loại vào các thùng chứa và tập kết tại khu lưu giữ phế liệu trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và tái chế theo quy định.

4.4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện các biện pháp, phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, sự cố hoá chất, sự cố hệ thống xử lý nước thải và các rủi ro, sự cố khác (như thiên tai, dịch bệnh, an toàn thực phẩm....).

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4.5. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

4.5.1. Các nội dung về cải tạo, phục hồi môi trường

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện việc cải tạo, phục hồi môi trường.

4.5.2. Các nội dung về bồi hoàn đa dạng sinh học

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện việc bồi hoàn đa dạng sinh học.

4.5.3. Các nội dung chủ dự án đầu tư tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Dự án đã hoàn thành việc xây lắp các công trình phục vụ sản xuất, kinh doanh và các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

4.5.4. Các nội dung khác về bảo vệ môi trường

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do ô nhiễm nhiệt, giao thông khu vực, kinh tế - xã hội khu vực.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V.

**KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

**5.1. KẾT QUẢ VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
ĐÃ THỰC HIỆN**

5.1.1. Tổ chức thực hiện quan trắc, lấy mẫu và phân tích mẫu chất thải

Dự án phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Do vậy, Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam đã ký Hợp đồng với Trung tâm Quan trắc môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng để thực hiện việc quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả của công trình xử lý nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm. Cụ thể như sau:

- Tên tổ chức: Trung tâm Quan trắc môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng (tên viết tắt HACEM).

- Địa chỉ liên hệ: Số 275 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Điện thoại: 0225 3733493

Fax: 0225 3733493

- Trung tâm Quan trắc môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số VIMCERTS 008) tại Quyết định số 1892/QĐ-BTNMT ngày 27/8/2020.

5.1.2. Phương pháp, thiết bị lấy mẫu, bảo quản mẫu, đo đạc và phân tích mẫu

Bảng 5.1. Phương pháp, thiết bị lấy mẫu, bảo quản mẫu

TT	Thông số	Phương pháp	Thiết bị
1	Mẫu nước thải	TCVN 6663-1:2011; TCVN 5999:1995 TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011	Gậy lấy mẫu; Chai PE 500 lit; Chai PG 500 lit, Chai PG 100 lít (khử trùng).
2	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011	

Bảng 5.2. Phương pháp, thiết bị đo đạc, phân tích mẫu

TT	Thông số	Phương pháp	Thiết bị
1	pH	TCVN 6492: 2011	Thiết bị kiểm tra chất lượng nước đa chỉ tiêu, model U52, hãng HORIBA – Nhật Bản.
2	BOD ₅ (20°C)	TCVN 6001-1: 2008	Thiết bị đo oxy hoà tan, model YSI 52, hãng YSI - Nhật Bản; Tủ BOD, model 205, hãng HACH - Mỹ.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

TT	Thông số	Phương pháp	Thiết bị
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	SMEWW 2540D: 2017	Tủ sấy, model UM400, hãng MEMMET - Đức; Cân phân tích model CPA225D, Hãng SARTORIUS - Đức.
4	Sunfua	SMEWW 4500-S ²⁻ . C&F: 2017	Bộ phá mẫu, model TT625, hãng GERHARD – Đức; Thiết bị đo quang, model U-2900, hãng HITACHI – Nhật Bản.
5	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	
6	Tổng nitơ	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E: 2017	
7	Dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520 B&F: 2017	
8	Tổng photpho	TCVN 6202:2008	Tủ cấy vi sinh, model 1535, hãng ShelLab – Mỹ; Nồi hấp thanh trùng.
9	Coliform	TCVN 6187-2:1996	

Ghi chú: Các phương pháp chuẩn xét nghiệm nước và nước thải (SMEWW)

5.1.3 Thời gian tiến hành quan trắc, lấy mẫu chất thải và đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý chất thải

Trước khi tiến hành vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải của Dự án, Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam đã có Công văn số 08/2022-MT ngày 05/8/2022 gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường để thông báo chi tiết thời gian tiến hành quan trắc, lấy mẫu nước thải (*đính kèm tại Phụ lục 1*).

Thời gian tiến hành quan trắc, lấy mẫu nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải cụ thể như sau:

Bảng 5.3. Thời gian tiến hành quan trắc, lấy mẫu nước thải

TT	Vị trí	Thông số	Thời gian
A	Đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất từng công đoạn và hiệu quả của công trình xử lý nước thải (lấy mẫu tổ hợp: Sáng, trưa, chiều)		
1	Tại bể điều hoà (để đánh giá chất lượng nước thải trước khi qua hệ thống xử lý nước thải tập trung và trước khi qua công đoạn xử lý thiếu khí). Tọa độ: X = 2313876; Y = 601050 (m).	pH; BOD ₅ (20°C); Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Sunfua; Amoni (tính theo N); Tổng nitơ; Tổng photpho (tính theo P); Dầu mỡ khoáng; Coliform.	Thời gian quan trắc, đánh giá là 75 ngày; tần suất quan trắc là 15 ngày/lần. - Lần 1: 10/08/2022 - Lần 2: 25/08/2022

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

***Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ dệt dấp Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư***

TT	Vị trí	Thông số	Thời gian
2	Tại bể hiếu khí (để đánh giá chất lượng nước thải sau khi qua công đoạn xử lý thiếu khí và trước khi qua công đoạn xử lý hiếu khí). Toạ độ: X = 2313876; Y = 601051 (m).	BOD ₅ (20°C); Amoni (tính theo N); Tổng nitơ; Tổng photpho (tính theo P).	- Lần 3: 09/09/2022 - Lần 4: 24/09/2022 - Lần 5: 09/10/2022
3	Tại bể lắng, lọc, khử trùng (để đánh giá chất lượng nước thải sau khi qua công đoạn xử lý hiếu khí và trước khi qua công đoạn xử lý lắng, lọc, khử trùng). Toạ độ: X = 2313875; Y = 601048 (m).	BOD ₅ (20°C); Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Amoni (tính theo N); Tổng nitơ; Tổng photpho (tính theo P); Coliform.	
4	Tại bể xả thải (để đánh giá chất lượng nước thải sau khi qua công đoạn xử lý lắng, lọc, khử trùng; chất lượng nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải tập trung; hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải tập trung). Toạ độ: X = 2313869; Y = 601047 (m).	pH; BOD ₅ (20°C); Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Sunfua; Amoni (tính theo N); Tổng nitơ; Tổng photpho (tính theo P); Dầu mỡ khoáng; Coliform.	
B	Đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải (lấy mẫu đơn, 7 ngày liên tiếp)		
1	Tại bể điều hoà (để đánh giá chất lượng nước thải trước khi qua hệ thống xử lý nước thải tập trung). Toạ độ: X = 2313876; Y = 601050 (m).	pH; BOD ₅ (20°C); Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Sunfua; Amoni (tính theo N); Tổng nitơ; Tổng photpho (tính theo P); Dầu mỡ khoáng; Coliform.	Quan trắc 01 lần vào ngày 24/10/2022.
2	Tại bể xả thải (để đánh giá chất lượng nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải tập trung; hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải tập trung). Toạ độ: X = 2313869; Y = 601047 (m).		Thời gian quan trắc, đánh giá là 07 ngày liên tiếp; tần suất quan trắc là 01 ngày/lần. - Lần 1: 24/10/2022 - Lần 2: 25/10/2022 - Lần 3: 26/10/2022 - Lần 4: 27/10/2022 - Lần 5: 28/10/2022 - Lần 6: 29/10/2022 - Lần 7: 30/10/2022

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do
Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

5.1.4. Kết quả đánh giá hiệu quả của công trình xử lý nước thải

5.1.4.1. Kết quả đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất của từng công đoạn và hiệu quả của công trình xử lý nước thải

 Kết quả đánh giá hiệu suất tại từng công đoạn xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 5 m³/ngày đêm

Bảng 5.4. Kết quả đánh giá hiệu suất xử lý tại công đoạn xử lý thiếu khí

STT	Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý	Lưu lượng thải (m ³ /ngày)	Thông số ô nhiễm chính tại công đoạn xử lý thiếu khí							
			BOD ₅ (mg/l)		Amoni (mg/l)		Tổng nitơ (mg/l)		Tổng phốt pho (mg/l)	
			Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
1	Lần 1, ngày 10/08/2022	3,5	18,8	4,6	14,6	6,2	26,3	19,4	4,5	3,0
2	Lần 2, ngày 25/08/2022	3,3	36,3	12,8	13,7	8,1	32,2	19,6	4,0	2,9
3	Lần 3, ngày 09/09/2022	3,9	47,8	17,6	18,9	10,5	29,8	20,4	4,4	3,2
4	Lần 4, ngày 24/09/2022	3,1	42,9	14,1	15,0	10,3	30,5	22,4	4,3	2,9
5	Lần 5, ngày 09/10/2022	2,8	45,6	22,7	16,4	9,6	31,4	23,0	5,3	3,9
Hiệu suất xử lý (%)		-	50,2 – 75,5		31,3 – 57,5		26,2 – 39,1		26,4 – 33,3	

* *Nhận xét:* Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 5 m³/ngày đêm của Dự án áp dụng công nghệ xử lý sinh học dưới tác dụng phân hủy của các hệ vi sinh vật khác nhau (thiếu khí và hiếu khí) mà các chất gây ô nhiễm có trong nước thải được xử lý. Từ kết quả đánh giá tại Bảng trên nhận thấy, hiệu suất xử lý nước thải tại công đoạn xử lý thiếu khí của hệ thống là tương đối cao. Cụ thể, hiệu suất xử lý đối với thông số BOD₅ đạt 50,2% - 75,5%; Amoni đạt 31,3% - 57,5%; Tổng nitơ đạt 26,2% - 39,1%; Tổng phốt pho đạt 26,4% - 33,3%.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do
Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Bảng 5.5. Kết quả đánh giá hiệu suất xử lý tại công đoạn xử lý hiếu khí

STT	Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý	Lưu lượng thải (m ³ /ngày)	Thông số ô nhiễm chính tại công đoạn xử lý hiếu khí							
			BOD ₅ (mg/l)		Amoni (mg/l)		Tổng nitơ (mg/l)		Tổng phốt pho (mg/l)	
			Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
1	Lần 1, ngày 10/08/2022	3,5	4,6	2,6	6,2	2,8	19,4	15,1	3,0	1,9
2	Lần 2, ngày 25/08/2022	3,3	12,8	8,4	8,1	2,2	19,6	17,4	2,9	1,5
3	Lần 3, ngày 09/09/2022	3,9	17,6	10,5	10,5	2,7	20,4	18,2	3,2	1,9
4	Lần 4, ngày 24/09/2022	3,1	14,1	7,7	10,3	6,2	22,4	13,4	2,9	1,6
5	Lần 5, ngày 09/10/2022	2,8	22,7	12,1	9,6	5,8	23,0	17,4	3,9	2,9
Hiệu suất xử lý (%)		-	34,4 – 46,7		39,6 – 74,3		10,8 – 40,2		25,6 – 48,3	

* *Nhận xét:* Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 5 m³/ngày đêm của Dự án áp dụng công nghệ xử lý sinh học dưới tác dụng phân hủy của các hệ vi sinh vật khác nhau (thiếu khí và hiếu khí) mà các chất gây ô nhiễm có trong nước thải được xử lý. Từ kết quả đánh giá tại Bảng trên nhận thấy, hiệu suất xử lý nước thải tại công đoạn xử lý hiếu khí của hệ thống là tương đối cao. Cụ thể, hiệu suất xử lý đối với thông số BOD₅ đạt 34,4% - 46,7%; Amoni đạt 39,6% - 74,3%; Tổng nitơ đạt 10,8% - 40,2%; Tổng phốt pho đạt 25,6% - 48,3%.

Bảng 5.6. Kết quả đánh giá hiệu suất xử lý tại công đoạn lắng, lọc, khử trùng

STT	Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý	Lưu lượng thải (m ³ /ngày)	Thông số ô nhiễm chính			
			TSS (mg/l)		Coliform (MPN/100ml)	
			Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
1	Lần 1, ngày 10/08/2022	3,5	19,5	12,1	1.900	700

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ dệt dáp Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

STT	Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý	Lưu lượng thải (m ³ /ngày)	Thông số ô nhiễm chính			
			TSS (mg/l)		Coliform (MPN/100ml)	
			Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
2	Lần 2, ngày 25/08/2022	3,3	25,1	18,7	4.000	2.300
3	Lần 3, ngày 09/09/2022	3,9	32,4	22,3	7.900	1.100
4	Lần 4, ngày 24/09/2022	3,1	34,6	27,1	4.900	2.300
5	Lần 5, ngày 09/10/2022	2,8	29,8	25,7	4.000	2.000
Hiệu suất xử lý (%)		-	13,8 – 37,9		42,5 – 86,1	

* *Nhận xét:* Từ kết quả đánh giá tại Bảng trên nhận thấy, hiệu suất xử lý nước thải tại công đoạn lắng, lọc, khử trùng của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 5 m³/ngày đêm là tương đối cao. Cụ thể, hiệu suất xử lý đối với thông số TSS đạt 13,8% – 37,9%; Coliform đạt 42,5 – 86,1%.

 Kết quả đánh giá sự phù hợp của toàn bộ hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 5 m³/ngày đêm

Bảng 5.7. Kết quả đánh giá sự phù hợp của toàn bộ hệ thống xử lý nước thải tập trung

STT	Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; quy chuẩn kỹ thuật về chất thải được áp dụng	Lưu lượng thải (m ³ /ngày)	Thông số môi trường của dự án					
			pH		BOD ₅ (mg/l)		TSS (mg/l)	
			Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
1	Lần 1, ngày 10/08/2022	3,5	7,34	6,77	18,8	2,2	45,7	12,1
2	Lần 2, ngày 25/08/2022	3,3	7,23	6,72	36,3	7,9	46,1	18,7

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ dệt dáp Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

STT	Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; quy chuẩn kỹ thuật về chất thải được áp dụng	Lưu lượng thải (m ³ /ngày)	Thông số môi trường của dự án					
			pH		BOD ₅ (mg/l)		TSS (mg/l)	
			Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
3	Lần 3, ngày 09/09/2022	3,9	7,50	6,79	47,8	9,7	56,3	22,3
4	Lần 4, ngày 24/09/2022	3,1	7,37	7,03	42,9	6,3	64,7	27,1
5	Lần 5, ngày 09/10/2022	2,8	7,41	7,01	45,6	9,4	60,1	25,7
Tiêu chuẩn KCN VSIP		-	6 - 9		400		400	

STT	Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; quy chuẩn kỹ thuật về chất thải được áp dụng	Lưu lượng thải (m ³ /ngày)	Thông số môi trường của dự án					
			Sunfua (mg/l)		Amoni (mg/l)		Tổng nitơ (mg/l)	
			Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
1	Lần 1, ngày 10/08/2022	3,5	0,16	<0,047	14,6	2,4	26,3	14,3
2	Lần 2, ngày 25/08/2022	3,3	0,16	<0,047	13,7	2,0	32,2	16,8
3	Lần 3, ngày 09/09/2022	3,9	0,32	<0,047	18,9	2,6	29,8	17,6
4	Lần 4, ngày 24/09/2022	3,1	0,32	<0,047	15,0	6,0	30,5	13,2
5	Lần 5, ngày 09/10/2022	2,8	0,16	<0,047	16,4	5,7	31,4	17,1
Tiêu chuẩn KCN VSIP		-	0,2		8		20	

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

STT	Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; quy chuẩn kỹ thuật về chất thải được áp dụng	Lưu lượng thải (m ³ /ngày)	Thông số môi trường của dự án					
			Tổng phốt pho (mg/l)		Dầu mỡ khoáng (mg/l)		Coliform (MPN/100ml)	
			Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
1	Lần 1, ngày 10/08/2022	3,5	4,5	1,7	0,38	<0,3	21.000	700
2	Lần 2, ngày 25/08/2022	3,3	4,0	1,4	0,44	0,3	240.000	2.300
3	Lần 3, ngày 09/09/2022	3,9	4,4	1,8	0,46	0,33	350.000	1.100
4	Lần 4, ngày 24/09/2022	3,1	4,3	1,4	0,44	0,3	130.000	2.300
5	Lần 5, ngày 09/10/2022	2,8	5,3	2,7	0,33	<0,3	23.000	2.000
Tiêu chuẩn KCN VSIP		-	5		5		5.000	

** Ghi chú:*

- Tiêu chuẩn KCN VSIP: Mức tiêu chuẩn yêu cầu đối với nước thải trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải chung của Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng (đính kèm tại Phụ lục 1).

- Số liệu lưu lượng thải tại các Bảng trên là số liệu được theo dõi và ghi chép hàng ngày theo đồng hồ đo lưu lượng nước thải được lắp đặt tại Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 5 m³/ngày đêm của Dự án.

** Nhận xét:* Kết quả đo đạc, phân tích các thông số ô nhiễm có trong nước thải (bao gồm 09 thông số) sau Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 5 m³/ngày đêm đều không vượt giá trị tối đa cho phép của Tiêu chuẩn KCN VSIP. Ngoài ra, kết quả đo đạc, phân tích các thông số ô nhiễm có trong nước thải tại mỗi đợt quan trắc, lấy mẫu thường chênh lệch không nhiều, chứng tỏ Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 5 m³/ngày đêm của Dự án đang hoạt động ổn định, hiệu quả.

5.1.4.2. Kết quả đánh giá trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Bảng 5.8. Kết quả đánh giá sự phù hợp của toàn bộ hệ thống xử lý nước thải tập trung

STT	Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; quy chuẩn kỹ thuật về chất thải được áp dụng	Lưu lượng thải (m ³ /ngày)	Thông số môi trường của dự án					
			pH		BOD ₅ (mg/l)		TSS (mg/l)	
			Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
1	Lần 1, ngày 24/10/2022	3,4	7,31	7,07	82,1	27,5	127,0	46,1
2	Lần 2, ngày 25/10/2022	3,7	-	7,06	-	21,4	-	55,7
3	Lần 3, ngày 26/10/2022	3,2	-	7,04	-	10,1	-	19,7
4	Lần 4, ngày 27/10/2022	3,5	-	7,09	-	21,8	-	45,1
5	Lần 5, ngày 28/10/2022	3,8	-	7,11	-	22,0	-	35,8
6	Lần 6, ngày 29/10/2022	3,0	-	7,06	-	24,8	-	44,6
7	Lần 7, ngày 30/10/2022	2,6	-	7,08	-	21,7	-	56,2
Tiêu chuẩn KCN VSIP		-	6 - 9		400		400	

STT	Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; quy chuẩn kỹ thuật về chất thải được áp dụng	Lưu lượng thải (m ³ /ngày)	Thông số môi trường của dự án					
			Sunfua (mg/l)		Amoni (mg/l)		Tổng nitơ (mg/l)	
			Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
1	Lần 1, ngày 24/10/2022	3,4	0,32	<0,047	15,6	4,6	27,2	14,3
2	Lần 2, ngày 25/10/2022	3,7	-	<0,047	-	5,0	-	17,6

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ dệt dáp Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

STT	Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; quy chuẩn kỹ thuật về chất thải được áp dụng	Lưu lượng thải (m ³ /ngày)	Thông số môi trường của dự án					
			Sunfua (mg/l)		Amoni (mg/l)		Tổng nitơ (mg/l)	
			Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
3	Lần 3, ngày 26/10/2022	3,2	-	<0,047	-	6,2	-	13,2
4	Lần 4, ngày 27/10/2022	3,5	-	<0,047	-	3,9	-	16,0
5	Lần 5, ngày 28/10/2022	3,8	-	<0,047	-	2,4	-	14,6
6	Lần 6, ngày 29/10/2022	3,0	-	<0,047	-	3,1	-	15,1
7	Lần 7, ngày 30/10/2022	2,6	-	<0,047	-	3,7	-	16,5
Tiêu chuẩn KCN VSIP		-	0,2		8		20	

STT	Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; quy chuẩn kỹ thuật về chất thải được áp dụng	Lưu lượng thải (m ³ /ngày)	Thông số môi trường của dự án					
			Tổng phốt pho (mg/l)		Dầu mỡ khoáng (mg/l)		Coliform (MPN/100ml)	
			Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
1	Lần 1, ngày 24/10/2022	3,4	6,0	2,1	0,38	<0,3	110.000	500
2	Lần 2, ngày 25/10/2022	3,7	-	1,5	-	0,43	-	900
3	Lần 3, ngày 26/10/2022	3,2	-	4,8	-	0,32	-	2.000
4	Lần 4, ngày 27/10/2022	3,5	-	1,2	-	0,39	-	790
5	Lần 5, ngày 28/10/2022	3,8	-	1,0	-	0,44	-	490

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

STT	Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; quy chuẩn kỹ thuật về chất thải được áp dụng	Lưu lượng thải (m ³ /ngày)	Thông số môi trường của dự án					
			Tổng phốt pho (mg/l)		Dầu mỡ khoáng (mg/l)		Coliform (MPN/100ml)	
			Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
6	Lần 6, ngày 29/10/2022	3,0	-	1,8	-	<0,3	-	2.300
7	Lần 7, ngày 30/10/2022	2,6	-	2,3	-	<0,3	-	1.100
Tiêu chuẩn KCN VSIP		-	5		5		5.000	

* Ghi chú:

- Tiêu chuẩn KCN VSIP: Mức tiêu chuẩn yêu cầu đối với nước thải trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải chung của Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng (đính kèm tại Phụ lục 1).

- Số liệu lưu lượng thải tại các Bảng trên là số liệu được theo dõi và ghi chép hàng ngày theo đồng hồ đo lưu lượng nước thải được lắp đặt tại Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 5 m³/ngày đêm của Dự án.

* Nhận xét: Kết quả đo đạc, phân tích các thông số ô nhiễm có trong nước thải (bao gồm 09 thông số) sau Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 5 m³/ngày đêm đều không vượt giá trị tối đa cho phép của Tiêu chuẩn KCN VSIP. Ngoài ra, kết quả đo đạc, phân tích các thông số ô nhiễm có trong nước thải tại mỗi đợt quan trắc, lấy mẫu thường chênh lệch không nhiều, chứng tỏ Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 5 m³/ngày đêm của Dự án đang hoạt động ổn định, hiệu quả.

5.1.4.3. Kết quả quan trắc đối chứng trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải

Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam đã phối hợp với Chi cục Bảo vệ môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng và Viện Công nghệ Môi trường - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (mã số VIMCERTS 079) để thực hiện việc đo đạc, lấy mẫu đối chứng trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải. Thời gian đo đạc, lấy mẫu đối chứng là vào ngày **26/10/2022**. Kết quả đo đạc, phân tích mẫu đối chứng cụ thể như sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do
Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

Bảng 5.9. Kết quả đo đạc, phân tích mẫu đối chứng tại hệ thống xử lý nước thải tập trung

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả đo đạc, phân tích mẫu đối chứng		Tiêu chuẩn KCN VSIP
			HACEM	Viện CNMT	
1	pH	-	7,04	7,04	6 – 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	10,1	12	400
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	19,7	17	400
4	Sunfua	mg/l	<0,047	<0,02	0,2
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	6,2	6,22	8
6	Tổng nitơ	mg/l	13,2	12,4	20
7	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	4,8	4,93	5
8	Dầu mỡ khoáng	mg/l	0,32	<1,0	5
9	Coliform	MPN/100ml	2.000	4.600	5.000

** Ghi chú:*

- Tiêu chuẩn KCN VSIP: Mức tiêu chuẩn yêu cầu đối với nước thải trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải chung của Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng (đính kèm tại Phụ lục 1).

- HACEM: Kết quả đo đạc, phân tích mẫu nước thải do Trung tâm Quan trắc môi trường thực hiện.

- Viện CNMT: Kết quả đo đạc, phân tích mẫu nước thải do Viện Công nghệ Môi trường thực hiện (đính kèm tại Phụ lục 2).

** Nhận xét:* Từ Bảng trên nhận thấy, kết quả đo đạc, phân tích các thông số ô nhiễm có trong nước thải (bao gồm 09 thông số) sau Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 5 m³/ngày đêm (trước khi xả thải vào hệ thống thu gom nước thải chung của Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng) của Viện Công nghệ Môi trường không chênh lệch nhiều so với của Trung tâm Quan trắc môi trường và đều không vượt giá trị tối đa cho phép của Tiêu chuẩn KCN VSIP.

5.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

5.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

a. Quan trắc định kỳ đối với nước thải

Căn cứ Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện việc quan trắc định kỳ đối với nước thải.

b. Quan trắc định kỳ đối với bụi, khí thải

Căn cứ Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện việc quan trắc định kỳ đối với bụi, khí thải.

5.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

a. Quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải

Căn cứ Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện việc quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải.

b. Quan trắc tự động, liên tục đối với bụi, khí thải

Căn cứ Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện việc quan trắc tự động, liên tục đối với bụi, khí thải.

5.3. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện việc quan trắc định và quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải, bụi, khí thải. Tuy nhiên, Chủ dự án có dự trù khoản kinh phí khoảng 50.000.000 đồng (*bằng chữ: Năm mươi triệu đồng*), được sử dụng trong trường hợp cần phải thực hiện việc quan trắc chất thải để đánh giá nội bộ.

CHƯƠNG VI. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam là Chủ đầu tư của Dự án cam kết các nội dung trong quá trình thực hiện Dự án như sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu, số liệu trong Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.
- Cam kết thực hiện việc thu gom, xử lý, xả thải nước thải, bụi và khí thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
- Cam kết thực hiện việc thu gom, phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường khác đảm bảo vệ sinh môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Cam kết thực hiện các biện pháp, phương án phòng ngừa, ứng phó và khắc phục các sự cố môi trường, sự cố cháy nổ, sự cố tràn dầu và các sự cố khác. Công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
- Cam kết thực hiện việc quan trắc giám sát chất lượng môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo quy định của pháp luật.
- Cam kết dành khoản kinh phí để thực hiện công tác bảo vệ môi trường, giám sát chất lượng môi trường và phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

***Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng
do Công ty TNHH Công nghệ dệt dấp Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư***

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1. CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 0201288701, do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp đăng ký lần đầu ngày 09/01/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27/09/2022.
2. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 4330084821 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng chứng nhận lần đầu ngày 09/01/2013, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 30/01/2020, **chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 06/01/2023.**
3. Hợp đồng thuê lại đất và cơ sở hạ tầng số 001/2019/LA/MCSD – VSIP HP ngày 16/9/2019 giữa Công ty TNHH VSIP Hải Phòng và Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam.
4. Quyết định số 2640/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Lô IN3-10*C, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên.
5. Giấy phép xây dựng số 536/GPXD-BQL ngày 05/02/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp cho Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam.
6. Công văn số 151/NT-PC07 ngày 21/7/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an thành phố Hải Phòng chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam.
7. Công văn số 3076/STNMT-CCBVMT ngày 27/7/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để vận hành thử nghiệm.
8. Công văn số 08/2022-MT ngày 05/8/2022 của Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam về việc thông báo Kế hoạch quan trắc, lấy mẫu chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.
9. **Công văn số 10/STNMT-CCBVMT ngày 04/01/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Dự án.**
10. Hợp đồng số 2022/MPV-ĐT/RCN ngày 20/12/2021 giữa Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam và Công ty TNHH Phát triển thương mại và sản xuất Đại Thắng về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường.
11. Hợp đồng số 2022/MPV-ĐT/CTNH ngày 23/12/2021 giữa Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam và Công ty TNHH Phát triển thương mại và sản xuất Đại Thắng về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư

12. Hợp đồng số OHG (S) – MPV01 ngày 01/07/2015 giữa Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam và Công ty Ohgitani Singapore về việc mua bán, chuyển giao đồng phê liệu.

13. Quyết định số 1892/QĐ-BTNMT ngày 27/8/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số VIMCERTS 008).

14. Quyết định số 2153/QĐ-BTNMT ngày 04/11/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Viện Công nghệ Môi trường thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (mã số VIMCERTS 079).

PHỤ LỤC 2. CÁC KẾT QUẢ QUAN TRẮC

1. Biên bản quan trắc môi trường của Trung tâm Quan trắc môi trường.
2. Sơ đồ vị trí quan trắc và lấy mẫu của Trung tâm Quan trắc môi trường.
3. Phiếu kết quả quan trắc của Trung tâm Quan trắc môi trường.
4. Biên bản quan trắc môi trường của Viện Công nghệ Môi trường.
5. Phiếu kết quả quan trắc đối chứng của Viện Công nghệ Môi trường.

PHỤ LỤC 3. CÁC HỒ SƠ BẢN VẼ HOÀN CÔNG

1. Hồ sơ bản vẽ hoàn công tổng mặt bằng các hạng mục công trình.
2. Hồ sơ bản vẽ hoàn công hệ thống thu thoát nước mưa, nước thải.
3. Hồ sơ bản vẽ hoàn công bể tự hoại, bể tách mỡ.
4. Hồ sơ bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý nước thải tập trung.
5. Hồ sơ bản vẽ hoàn công kho phế liệu, kho chất thải.
6. Hồ sơ bản vẽ hoàn công hệ thống thông gió, điều hoà.